TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in
95 — 97 phố Chanceaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

* Thể văn ngụ-ngôn của ta có từ bao giờ ? — *Hoa-Bằng*
* « Óc khoa-học » — *Ứng-Hòe*
* Nối lời Bác-sĩ Hézard... — *Liên-Giang*
* Văn-hóa Đông-dương (III) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Đề tra các bài trong Nam Phong — *Khuông-Việt*
* Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, VII) — *Phan khắc-Khoan*
* Gia-thế họ Đinh ở Hàm-giang (II) — *Tiên-Đàm*
* Quyển Thi văn bình chú (XI) — *Ứng-Hòe*
* Tuồng « Kim thạch kỳ duyên » (Hết) — *Nguyễn Đại-Liêng*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XXIII) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 100**
Thứ năm, 24 Juin 1943

0$30

THỂ VĂN NGỤ-NGÔN CỦA TA CÓ TỪ BAO GIỜ?

HOA-BẰNG

Từ khi tiếp-xúc văn-hóa âu-tây, thể văn ngụ-ngôn mới chiếm được một địa-vị quan-trọng trong văn-học giới Nam-Việt.

Vì, sau những áng văn ngụ-ngôn bình-dị mà sâu-sắc, cụ-thể mà bóng-bẩy của những nhà đại-thủ-bút như Esope và La Fontaine truyền vào trong nước, người mình mới chú-trọng đến thể văn ấy.

Nhưng thực ra, thể văn ngụ-ngôn có phải từ khi chịu ảnh-hưởng của văn-học Âu-châu rồi ta mới thấy nó « mặc bộ đồ nỉ, đội mũ phớt, đi giày giôn », chễm-chệ vào ngồi trên chiếu văn-đàn của ta không?

Quyết không! Trước đó, ta cũng đã có thể văn ngụ-ngôn rồi, chẳng qua cái cây « cố hữu » ấy đến sau gặp cơn rảy-tưới của trận mưa âu, thì nó được dịp thuận-tiện, nảy mầm, trổ lộc, ngày một xanh tốt đó thôi.

***

Nếu nói đến nguồn gốc văn ngụ-ngôn của Việt-Nam, tất ta phải kể Ca-dao là tỵ-tổ của lối văn ấy.

Phong-nhân ta xưa đã có bộ óc sáng-tác, làm cho loài vật đều nhân-tính-hóa: Chúng biết nói, biết cười, biết mừng, biết giận, biết mỉa-mai trào-phúng, biết hành-động cử-xử như người ta.

Có khi một bài ngụ-ngôn chỉ vỏn-vẹn mấy câu, thế mà bao-gồm được rất nhiều ý: hoặc tả một chuyện ngây-thơ bằng những lời văn giản-dị, mộc-mạc; hoặc nêu một bài học khuyên-răn trong cách bố-cục đơn-sơ vắn tắt:

« Con Gà cục-tác lá chanh;
« Con Lợn ủn-ỉn mua hành cho tôi;
« Con Chó khóc đứng khóc ngồi,
« Bà ơi, đi chợ, mua tôi đồng giềng!»

Và:

« Con Mèo trèo lên cây cau,
« Hỏi thăm chú Chuột đi đâu vắng nhà?
« — Chú Chuột đi chợ đường xa,
« Mua mắm, mua muối, giỗ cha chú Mèo.»

Bài trên có một ngụ ý rất hay, hay vì những nghĩa bóng-bẩy ở ngoài lời nói. Trước hết ta nên biết qua về nghệ-thuật ăn của dân Nam mình đã: lá chanh là gia-vị ăn với thịt gà, cũng như hành với thịt lợn và giềng với thịt chó. Nay ba con vật ấy dám ngang nhiên đòi một cách thiết-tha khẩn-khoản — có khi lại đến phát khóc — để tỏ ý cố cầu cho kỳ được những món mà chúng muốn! Nhưng chúng muốn gì? Muốn những món tương nghi, tương hợp với thịt mình khi người ta thọc tiết, làm lòng để dùng làm thực-phẩm mà ăn kèm với những gia-vị như lá chanh, hành và giềng ấy!

Thế ra chúng không coi cái chết ra gì à?

Ôi! đối với cái chết, ai người chẳng sợ. Ba con vật ngu dại kia sở dĩ cứ đua nhau yêu-cầu lấy những món như lá chanh là thứ tối-kỵ của Gà, dọc hành là vật khả ố của Lợn và củ giềng là « kẻ thù » số một của Chó, chẳng qua vì chúng không biết cái chết đương rình ở sau lưng, nên vẫn tưởng rằng muốn cho người ta biết ý mình định đòi gì, cần phải tỏ rõ ở trong thái-độ và động-tác: nào « cục-tác », nào « ủn-ỉn », nào « khóc đứng khóc ngồi...»

Nhà ngụ-ngôn, với mấy câu văn vắn chất phác ấy, muốn răn đời rằng kẻ nào đòi tửu, sắc, yên, đồ, đòi những thứ thỏa-mãn về vật-chất... chính là tự mình đòi lấy những món « thương sinh » để đi đến cái vực chết mà vẫn nhơn-nhơn, nhưng-nhưng trong vòng bất tri, bất giác...

Bài dưới cũng chỉ vẻn-vẹn có mấy câu, vậy mà trong ngụ những ý cảnh thế rất sâu-sắc.

Mèo là con vật lớn hơn và khỏe hơn loài Chuột.

Biết sức mình bé và yếu, chú Chuột bấy lâu vẫn một lòng « úy thiên, sự đại », không hề dám đơn-sai tấc thành. Mà lòng trung-thành của Chuột có phải chỉ thốt ra những lời nói suông ở cửa miệng thôi đâu, chính nó được tỏ ở việc làm rất khúm-núm cung-kính và sốt-sáng thừa-thuận nữa:

Gặp ngày giỗ cha của chú Mèo, Chuột ta muốn nhân cái dịp ấy, tỏ ra mình đầy hết lòng kính-cẩn trung-thành, xu sự phó công một cách đắc-lực: lóp-ngóp, lặn lội đi tận chợ xa để mua mắm muối về làm giỗ cha của « kẻ » vẫn rình-rập ăn thịt mình.

Làm vậy, Chuột tưởng là đắc sách: lấy lòng được ông Mèo, mong ông nghĩ lại mà thương

tình, mà sinh phúc cho để Chuột hòng vét chút cơm niêu, khoét ít thóc vựa.

Nhưng đó chỉ là ảo mộng của Chuột. Sự thực đâu có thế. Mèo vẫn bắt Chuột, ăn Chuột như thường, mặc dầu Chuột đã chịu khó tâng công trong dịp nhà Mèo có kỵ.

Chính lịch-sử nhân loại đã làm chứng với ta cái bài học ấy.

***

Xin các bạn lại thử ngâm đọc mấy vần trong bài ngụ-ngôn ngắn của cổ-nhân đây, sẽ thấy rõ cái tài phúng-thứ của nhà viết văn ngụ-ngôn Việt-nam là thế nào :

« Con Cò chết rũ trên cây,
« Cò Con mở sách xem ngày làm ma.
« Cà-Cuống uống rượu la-đà,
« Chim Ri ríu rít dò ra lấy phần. »

Thật là một bức hoạt-họa tả cái đồi phong bại tục ở nơi dân-gian ! Thật là một bài hài-văn mai-mỉa những hành vi vô-ý-thức, hoặc bất đạo-đức của người đời !

Các bạn cùng tôi thử nghĩ : Còn gì dã-man hơn, khi một con Cò nằm xuống, mặc dầu cái chết ấy không quan-hệ đến cuộc tiến-hóa hoặc sự thịnh-vượng chung của loài cầm, nhưng Cò cũng là một sinh-vật, cũng có một mạng sống, thì cái chết của Cò vẫn đáng lấy được một vài giọt nước mắt của đồng chủng. Thế mà trong khi Cò Con — tang chủ — đang đau-đớn buồn-rầu mở sách (có lẽ là *Gia-lễ* hoặc *Niên-lịch* ?) ra xem để tra thể-lệ nghi-tiết trong khi gặp tang hoặc chọn ngày giờ để làm lễ cất đám thì ông Cà-Cuống chẳng hề nhớ câu Thánh dạy « Tử thực ư hữu-tang giả chi trắc vị thường bão dã » (đức Khổng-tử ăn ở bên nhà có tang, chưa từng ăn được no bao giờ), cứ tỷ-tỷ đánh chén, la-đà no say với những rượu thịt mà tang gia đã phải cung đốn bằng bao bồ-hôi nước mắt !

Chẳng những một mình Cà-Cuống có cái cử-động vô-ý-thức ấy, đến cả Chim Ri là loài có họ rất gần với Cò Già, Còn Con, cũng lại nhẫn tâm làm chuyện bất đạo-đức : ríu-ra-ríu-rít về sự phân-chia miếng phần !

Những thái-độ khả bỉ và những hành-vi đáng ghét của chúng thật đã được lột trần dưới ngòi bút thần diệu của nhà ngụ-ngôn tối cổ của nước Đại Nam.

***

Sau khi đọc xong ba bài ngụ-ngôn giản-lược mà bóng-bẩy, gọn-gàng mà sâu-sắc ấy, các bạn chắc đã nhận thấy một vài đặc điểm trong thể văn ngụ-ngôn của ta :

1·) Đứng về mặt khách-quan, tác-giả chỉ phác tả mấy nét mà bao hàm được những ý-tứ rất man-mác, không phải tốn lời tốn chữ mà đủ hình-dung được những nỗi nhân-tình thế-thái và những điều « trông thấy mà đau » ở đời.

2·) Cao hơn ngụ-ngôn của ngoại-quốc, tác-giả ngụ-ngôn việt-nam chỉ dùng ngòi bút « xã-hội tả chân » khiến cho độc-giả tự hiểu lấy, tự lĩnh-hội lấy, chứ không hề hạ lời bình gì, để cho người đọc ai muốn hiểu ra sao thì hiểu.

Đó, những cái đặc sắc của văn ngụ-ngôn ta là thế đấy. Tiếc rằng sau ít bài ngụ-ngôn tiên-phong ấy, các nhà văn ta lớp xưa ít để ý đến lối văn lý-thú đó, khiến cho cái cây cố-hữu đáng quí kia ít được người ta vun sới bón tưới trong vườn Việt văn, nên nó không khỏi hiếm muộn về phần bông trái !

Mãi về sau, mới có tác-giả *truyện Trê, Cóc* (1) là bạn đồng điệu, biết họa theo những tiếng nguyền âm do phong-nhân xưa đã khởi xướng.

Truyện Trê, Cóc viết bằng văn nôm theo thể lục bát, không thấy ký tên tác-giả, không có lời tựa, không đề niên-hiệu khi làm sách, nên nay khó biết ai là tác-giả truyện ấy và làm vào đời nào.

Hai vai chủ-động trong truyện là Cá Trê và Con Cóc, nên tác-giả lấy tên hai vật ấy mà đặt nhan sách.

« Nhớ xưa Trê, Cóc đôi nhà,
« Vì tình nên phải sinh ra oán thù. »

Cốt truyện như vầy :

Con Cóc, khi sắp ở cữ, xuống nước, đẻ được đàn con, tức đàn Nòng-nọc, rồi lại lên cạn.

« Chàng Trê đâu mới tới (2) nơi,
« Thấy đàn Nòng-nọc nhảy ngoi dã rầm (3)
« Nhác trông dạ những (4) mừng thầm,
« Giống Trê như lột chẳng nhầm vẻ chi... »

Trê liền nhận đàn Nòng-nọc làm con, đem về nuôi nấng.

Sau Cóc đi tìm con, thấy Trê đã tranh chiếm con, lại la mắng mình, bèn phát đơn kiện.

Quan trấp đơn, bắt giam Trê. Sau Trê vận-động, khất khám. Nhà-lại đến nơi khám xét, phần vì ăn « vi-thiềng » của Trê, phần vì tra xét không tinh, bèn làm tờ trình rằng đàn Nòng-nọc ấy quả là con của Trê, vì giống Trê như đúc.

Căn-cứ vào tờ trình ấy, *« Quan truyền bắt Cóc ra tra : sao bỏ đơn kiện sai ngoa làm vầy !...*

(Xem tiếp trang 18)

«ÓC KHOA HỌC»

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

ÔNG P. N. Khuê mới ra một quyển sách đặt tên là *Óc khoa học, một phương pháp rèn luyện trí xét đoán*, in trong *Văn mới* số 11-12, ngày 25 tháng 5 tây vừa rồi. Phương-pháp rất là đích-đáng, vì là phương-pháp khoa-học. Lời văn lại trôi-chảy rõ-ràng, không có giọng van tây mấy, nhưng cũng có một vài chỗ cần phải sửa-lại. Như trang đầu, trong bài tựa, ông Khuê nói: « có khi nó (là cái tinh-thần khoa-học) biểu thị một cái gì nghiêm trang, chặt chẽ, đanh thép, một cái gì sáng sủa, vững vàng, sâu sắc, rộng rãi ». Hai chữ « cái gì » ở văn tây thì được, sang lối văn ta thì không thanh, mà về đường « khoa học » có lẽ không được rõ nghĩa.

Lại như trang 35, có câu: « Và, vì thế không biết và không kịp thích ứng tùy theo sự biến đổi của hoàn cảnh nữa ». Chữ « và, vì... » ấy cũng là lối tây; chữ « và » đầu câu ở văn tây thì được, sang lối văn ta, bỏ đi, cũng không hụt nghĩa.

Dở lại trang 1, có câu: « Chúng ta thường lẫn một người có học vấn với một người có kiến thức, một người sảo trá với một người thông minh ». Có lẽ ông Khuê nhầm; người xảo-trá là người điêu-xảo, đã khéo nói-dối, lại hay ton-hót nịnh-nọt để đánh lừa người ta, khác với những bậc thông-minh là người học một biết hai hoặc biết mười: hai hạng người ấy khác nhau xa lắm, không khi nào lẫn được.

Ông khuê lại dùng chữ: « Chúng ta thường lẫn », thì lại càng sai lối khoa-học. Nếu thật như thế, thì cả « chúng ta » đều bị họ lừa gạt hay sao?

Còn đến người học-vấn, tức là người học tập tốn nhiều công-phu, đối với người kiến-thức, tức là người thấy-rộng biết nhiều, cũng do ở học tập, vậy thì hai hạng người ấy có lẫn cũng không sao, vì hai bên đều là hay cả, khác với thông-minh, xảo-trá, là vì một bên hay một bên dở.

Đến trang 12, ông Khuê nói: « những kẻ giảo hoạt khoe khoang vẫn được nhiều người kính nể ». Chỗ này ông cũng nhầm, vì người giảo hoạt là người xảo-trá, hay gian-dối lừa-đảo thì chỉ có thể dùng mưu mẹo để gạt một vài người mà thôi, chứ không thể khiến người ta kính-nể được. Còn như người khoe khoang thì lừa cũng chẳng được ai, huống chi ai kính-nể!

Sang trang 14, ông Khuê nói: « Có người rất mau hiểu biết trong khi học toán pháp, nhưng khi trông vào một cái máy lại mù tịt ». Cái ấy đã cố-nhiên đi rồi vì một đằng là học lý, một đằng là ứng-dụng cái học lý ấy. Nhưng đến câu này (cũng ở trang ấy), thì không đúng: « có người phê bình rất sắc sảo, nhưng không bao giờ có sáng kiến gì »: phê-bình là xét đoán khen chê mà sáng-kiến là chế-tạo phát minh; phương-ngôn ta có câu: « Vụng tay, khéo con mắt » chính là thế đấy: thí-dụ có một cái ghế, ai cũng biết là kiểu xấu đóng vụng, nhưng chế ra kiểu khác cho đẹp thì phải một người ra kiểu và vài người thợ-khéo, còn thì chịu cả. Nếu theo ý ông Khuê, thì chỉ người thợ với người vẽ kiểu mới có quyền khen hay chê, còn ngoài ra không ai được nói đến hay sao?

Trang 32, có câu: « thần ở miếu ở đình, ở sông ở núi, đức Thánh Bà, đức Thánh Ông,... đó là những lối totem như ở đời Thái-cổ ». Ở đình ở miếu của ta, một là thờ những vị có công đức với nước với dân, hai là thờ những ông thần vô hình vô ảnh, như ông thổ-thần, ông hành-khiển, ba là có làng thờ những vị thần bất-chính, như thần ăn trộm, ăn mày; nói tóm lại, đều là thờ người cả, không giống như *totem* đời xưa với đời nay (vì đời nay vẫn có totem, xem sách ông Van Gennep, sách ông Frazer hay sách ông Durkheim, *Les formes élémentaires de la vie religieuse*, *Le système totémique en Australie*, v. v.), thờ một giống động-vật, như hiện nay ở xứ Mọi trong Trung-kỳ có dân lấy con trâu làm tổ-tiên, thì suốt đời kiêng không đám ăn thịt trâu, đến lúc chết lại làm áo quan bằng con trâu (xem ở viện bảo tàng Louis Finot), ngụ ý về với tổ-tiên. Thế là hai bên khác nhau xa lắm, không thể đem lối thờ người ở đình làng ví với lối thờ động-vật của những dân có *totem*, tức là có vật-tổ.

Cũng ở trang 32, có câu : « nói thẳng với Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế để cho dân sự làm lễ rửa tội », nên chữa làm lễ giải oan vì chữ rửa tội chỉ dùng cho đạo Thiên-chúa, chứ không dùng vào đạo Lão.

Sang trang 33, ông Khuê nói « ở bên Tầu có tục vứt người xuống sông cho Hà-Bá để mong thoát nạn lụt ». Tục ấy bỏ đã lâu rồi : *Sử-ký* của Tư-mã Thiên chép chuyện Hà-Bá như thế này : « Đời Ngụy Văn-hầu (khoảng năm 424 trước Thiên-chúa), Tây-môn-Báo làm quan lệnh ở huyện Nghiệp (Tương-châu). Khi đến huyện, Tây-môn-Báo họp tất cả trưởng-lão hỏi những tình-trạng khổ-sở của nhân dân. Trưởng-lão thưa rằng : « Huyện này khổ về việc cưới vợ Hà-Bá, cho nên nghèo » (Hà-Bá người ở làng Chàng, huyện Hoa-dương, họ Phùng, tên Di, vì tắm ở sông bị chết đuối, rồi làm hà-bá). Tây-môn-Báo hỏi cớ sao. Thưa rằng : « Tam-lão (tức như chánh-tổng bây giờ) và đình-duyện (tức như thừa-phái bây giờ) ở huyện Nghiệp thường năm thu thuế của dân, được đến vài trăm vạn tiền, lấy hai ba mươi vạn dùng vào việc cưới vợ cho Hà-Bá, còn thừa thì bọn tam-lão đình-duyện cùng với bọn đồng-cốt chia nhau đem về. Năm nào cũng thế, bọn đồng-cốt dòm nhà nào có con gái đẹp, thì nói nên làm vợ Hà-Bá, rồi đưa ngay về tắm rửa, may quần áo mới, cho ở không để trai-giới, làm một cái trai-cung ở trên sông, mắc màn the đỏ, cho người con gái ở trong ; lại làm trâu rượu an uống đến hơn mười ngày. Rồi sửa-sang cho người con gái những giường chiếu như cô dâu, xong thả ra giữa sông, nổi độ vài mươi dặm, rồi chìm mất ! Cho nên nhà ai có con gái đẹp, sợ bọn đồng-cốt, chốn đi nơi khác, đến nỗi trong thành không người, lại nghèo-khổ. Tục ấy có đã lâu, tương truyền nếu không cưới vợ cho Hà-Bá thì nước lên to, chết đắm nhân-dân ». Tây-môn-Báo nói rằng : « Đến hôm nào cưới vợ Hà-Bá, khi tam lão, đồng-cốt, và phụ-lão đưa người con gái ra sông, cho ta biết mấy, ta cũng đến đưa người con gái ». Cả bọn đều nói rằng vâng. Đến hôm cưới, tam-lão, đình-duyện, hào-trưởng, phụ-lão và đồng-cốt đều họp lại ; nhân-dân đến xem có tới vài nghìn người. Tây-môn-Báo cũng đến dự. Bà đồng tuổi độ 70, bọn đệ-tử là mười người con gái, đều mặc áo lụa mỏng, đứng sau bà đồng. Tây-môn-Báo nói rằng : « Gọi vợ Hà-Bá lại xem đẹp xấu thế nào ». Cả bọn mới đem người con gái ở trong màn ra, đứng trước Tây-môn-Báo. Báo trông rồi ngoảnh bảo bọn tam-lão và đồng-cốt rằng « Người con gái này không đẹp, phiền bà đồng xuống báo với Hà-Bá để tìm con gái đẹp, hôm sau sẽ đưa ». Nói rồi, liền sai lính ôm bà đồng ném xuống sông ; được một lúc Tây-môn-Báo nói : « Bà đồng sao lâu thế ? Đệ-tử xuống giục đi. » Nói rồi bắt một đệ-tử con gái ném xuống sông. Một lúc nữa, lại nói rằng : « Đệ-tử sao lâu thế ? » Lại sai người nữa xuống giục, rồi lại ném một người đệ-tử xuống sông. Ném hết ba đệ-tử, Tây-môn-Báo nói : « Bà đồng và bọn đệ-tử là đàn bà con gái có lẽ không dám nói với Hà-Bá phiền tam-lão xuống nói hộ. » Lại ném tam-lão xuống sông. Rồi Tây-môn-Báo cúi mình bên sông, đứng hồi lâu : trưởng-lao, duyện-lại và người xem xung quanh đều sợ hãi. Tây-môn-Báo ngoảnh lại nói rằng « Bây giờ bà đồng với tam-lão đều không về, thì làm thế nào ? Tôi muốn các đình-duyện và hào trưởng, mỗi bọn một người xuống giục hộ ». Bọn kia đều cúi sát đất chảy máu đầu, sợ hãi như chết. Tây-môn-Báo nói rằng : « Hãy đợi một tý ». Được giây phút, Tây-môn-Báo nói rằng : « Thôi bọn đình-duyện cho đứng dậy, làm tờ trạng kể tội Hà-Bá giữ khách lâu. Hay là thôi, đi về cả ! » Quan lại, nhân-dân huyện Nghiệp đều sợ, từ đấy về sau không ai dám nói đến chuyện Hà Bá cưới vợ » (dịch trong *Sử ký* quyển 126, tờ 5 b — 6 a.)

Cứ như thế, thì cái tục nem người xuống sông, ngay từ năm 424 trước Thiên-chúa đã bỏ đi rồi, nay ông Khuê chép lại như trên kia, e có người tưởng nhầm là tục ấy bây giờ hãy còn.

Kể ra, từ trang 34 đến trang 202 còn nhiều chỗ sai, hoặc thiếu về khoa-học, nói hết thì dài lắm tôi chỉ bàn với tác giả nên lấy sách kiểm lại, để khi tái-bản quyển *Óc khoa học* được thêm giá trị, như trang 125, tác giả nói Copernic là « người Phổ » ; nếu tác-giả chịu khó tra lại tự-vị, thì biết ngay Copernic là người Ba-lan, chứ không phải người Phổ, v. v...

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

BÁN ĐẤT

Vì không dùng muốn bán :

1°) 8.000 thước đất giá 20$ một (ở Chợ Mơ cũ Bạch Mai).

2°) 2.500 thước giá 15$ một

Hỏi : ô. Phạm-mạnh-Phan số 34 Ngõ Mai Hương

BẠCH MAI

NỐI LỜI BÁC SĨ HÉZARD

xét qua về Y-học phương Đông

của LIÊN-GIANG

NHÂN đọc bài « Hoa Việt y học » (médecine sino-annamite) của Bác sĩ Hézard viết bằng pháp văn đang ở tuần báo « Indochine » ngày 12 novembre 1942, tôi rất lấy làm thâm phục Bác sĩ đã để ý tới y-học phương đông mà gia tâm nghiên cứu đến. Lời Bác sĩ đầy dẫy những sự thành thực, khi bác sĩ kinh ngạc trước những y lý của Á đông về âm-dương học, ngũ hành học, châm chích học, kinh lạc học và mạch học. Những cái gì bây giờ người ta cho là mới, thì trong khoa thuốc tàu, người ta đã tìm thấy tự lâu đời. Bác sĩ khuyên người ta chớ có mỉm cười những lối chữa thông dụng của Tàu mà ngày nay ta cho là ngộ nghĩnh. Biết đâu rằng ngày mai ta sẽ thấy lối chữa ấy là chính-đáng thì cái cười cao đạo của ta chẳng hóa ra cái cười của kẻ điên rồ du! Vậy cái gì mà ta chưa biết tới, chớ có nên tự mãn vội. Rồi bác sĩ khen công dụng về tính lược của sừng hươu, sừng tê giác và ngưu hoàng. Bác sĩ lại nói một câu lý thú về sự dùng thuốc như vầy: « Nhà bào-chế phải dùng hai con mắt để mua thuốc, nhà dược-y chỉ phải dùng có một, khi nhà có bệnh, thì cần phải mù. » Nghĩa là thấy thuốc có hiệu nghiệm là phải theo, không được nghi bậc. Người cổ-trung-hoa nhận thấy trong trời đất có hai khí tương phản: là âm và dương. Dương là động, là mặt trời; âm là tĩnh, là mặt trăng. Hai khí này ở một thể mà chia ra. Thể ấy gọi là « thái cực ». Thân-thể người ta cũng là một trời đất nhỏ, âm dương không điều hòa, thì sinh ra bệnh. Sức khỏe của người ta rất là mỏng mảnh, vì âm dương thường dễ sai lệch. Tứ chi là bốn mùa, mười hai chỗ nối ở chân tay là 12 tháng. Con tim có bao nhiêu lỗ, thì tòa bắc-đẩu trên trời có bấy nhiêu sao.

Y-học tàu lại còn ví thân-thể người ta như một cái nhạc khí — một cái đàn chẳng hạn — mà mỗi phần phát ra một âm thanh riêng. Sự lưu động của mạch có thể cho ta biết được bản tính của tạng phủ cũng như những tiếng đàn và phím đàn. Họ chỉ chữa sao cho mạch được hòa bình là khỏi bệnh. Mắt thuộc về gan, xem mắt có thể biết được gan có bệnh. Mồm, lưỡi và tai trỏ cho họ biết về bệnh ở vị, ở tâm và ở bàng-quang. Họ xem mạch ở cổ tay: có ba bộ mạch. Mạch học là một môn học huyền bí và phiền toái. Bao nhiêu sự làm thuốc đều phải theo vào đấy mà chữa. Mạch như chim mổ (tước trác), như giây rít (giải sách), như tiếng cóc kêu (?), như nước rỏ ở mái xuống (ốc lậu) v. v... đều là mạch của bệnh nguy nan cả. Sự giận dữ nóng nẩy chính là bệnh ở gan mà sinh ra. Bệnh thất tình đều ứng vào mạch hết thảy.

Bác sĩ lại khen về cách dùng thuốc chữa của người Tàu. Họ cũng đã biết cách « lấy bệnh chữa bệnh », nghĩa là lấy ngay thứ thuốc nào, nếu mà dùng nhiều thì sinh ra một chứng bệnh, nhưng mà lấy ra một phần tử rất ít, để chữa ngay chứng bệnh ấy. Cách chữa này có từ thế kỷ thứ ba ở Trung-quốc. Từ đời nào đời nào, người Tàu đã biết dùng đến những vị thu liễm, ngưu hoàng, lưu hoàng, dầu đại kích, đại hoàng, lô hội, thạch tín, long não, xạ hương và nha phiến. Vị hải-tảo (tức rao-câu) rất công hiệu cho bệnh tràng nhạc, vì vị này có chứa chất iode. Y-thuật thái tây phải mượn vị « ma hoàng » của họ để chữa chứng hen. Độ hơn mười thế kỷ nay, Hoa-Đà một nhà ngoại khoa, đã biết chữa bệnh bằng lối « thủy liệu pháp », và dùng thuốc mê để giải phẫu. Có thể cải lão hoàn đồng được bằng cách hô-hấp theo phương pháp đã định.

Nào là nhân sâm bổ phế trừ lao. Ngày nay những thứ thuốc đặc-chế của Pháp vẫn dùng đến nó. Nào là mật gấu, máu dê, ong, bọ ngựa, truồn truồn, óc chim tước, những thứ kỳ quái ấy họ cũng làm thuốc được cả.

Lại còn phép châm chích nữa: họ dùng một thứ kim bằng vàng hay bạc, tìm huyệt ở ngoài da mà họ châm tự khắc bệnh ở trong tạng phủ khỏi. Tất cả có 738 huyệt.

Bác sĩ Hézard cho phép châm chích này cũng tựa như phép giao cảm thần kinh của y học tây ngày nay, duy khác có một điều là người trung-hoa thực dụng cách này từ ba nghìn năm trước Gia-tô giáo, khi họ tìm thấy chất đồng. Nhưng huyệt bị châm hay chích này có thể làm thay-đổi được khí thần-kinh và sự giao thông biểu

lý của hai bộ phận chính : trung ương thần kinh hệ và giao cảm thần kinh hệ. Bộ dưới này làm chủ trương tất cả công việc hô hấp, huyết dịch chu-lưu và tiêu hóa, v.v...

Trở lên tôi dịch đại cương bài « Hoa việt y học » của bác sĩ Hézard. Đã lâu nay, bây giờ mới lại thấy ở Đông-dương có nhà bác học người pháp lên tiếng tán thưởng y-thuật cổ của châu Á. Hai mươi năm về trước, và lâu hơn thế nữa, đã có nhiều nhà học-giả bên Thái-tây, nào ở Pháp, ở Anh, ở Đức đã gia công nghiên cứu và dịch thuật về môn học thuốc tàu. Chúng ta đã thấy Duhalde dịch ra tiếng pháp một phần bộ « *Bản thảo cương mục* ». Porter Smith từng viết một cuốn sách nhan đề là « *Góp phần vào khoa dược vật học và khoa bác vật học của Trung quốc* » (Contributions à la pharmacologie et l'histoire naturelle de Chine). Sau Stuart chữa lại cuốn sách ấy và in thêm một mục phụ nói về « *Dược vật, Trung hoa, quốc gia thực vật* » (Pharmacologie chinoise, royaume végétal). Lại còn Bernard E. Read viết về tính dược các loài cầm thú dùng trong phương thuật tàu. G. C. Liou cũng ra một cuốn « *Trung hoa thảo mộc dược tính* » (médicaments chinois des plantes). Pak thi viết về kim thạch dược-tính của Tàu.

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Phap

1p.00 một vé

Tuy kể vậy chưa gọi được là đủ, song từ khi ấy tới nay, những nhà bác học các nước vẫn yên lặng nghiên cứu, biết đâu rằng lắm thứ thuốc có hiệu quả, phát minh trong mười năm nay không phải là kết quả về sự biết lợi dụng đến dược vật của Châu-Á.

Về y-học Trung-hoa, sách vở như rừng, nay xin chia ra làm hai loại như sau này :

a) Dược tính học.

b) Y-học.

A — Dược tính học.

Dược tính học, từ xưa đến nay rút lại có 3 pho chính :

1·) *Thần-Nông bản-thảo*, 3 cuốn, có 365 vị thuốc. Chia thứ bậc làm thượng, trung, hạ, theo bệnh nặng nhẹ mà sếp đặt. Pho này có từ năm 2838 đến 2698 trước Gia-tô-giáo; (cùng thời với Imhotep, thái-y của vua Zoser nước Egypte). Đến đời Lương (520 sau G. T. G.), lại thêm vào từng ấy vị mới nữa. Đến đời Đường và đời Tấn (620 và 960 sau G. T. G.) lại sửa lại và thêm vị mới nữa vào.

2·) Pho *bản-thảo cương-mục* của Lý-thời-Trân đời Minh, Vạn lịch (1578) soạn. Tất cả 52 cuốn chia làm 16 bộ. Có 1.892 vị thuốc : 1518 vị cũ và 374 vị mới. Ông mất công trong 27 năm mới hoàn thành. Thực là một pho bản thảo đầy đủ.

3·) *Trung-quốc dược-học đại từ điển*, mới lam song vào năm Dân-quốc thứ 2 (1937) của Trung quốc y dược nghiên cứu xã. Là một pho từ điển sếp theo số vạch chữ cho dễ tra cứu. Thể tài làm theo lối mới, sưu tập từ cổ đến nay đủ dược học, y-học, thực-vật-học, khoáng-vật-học và môn hóa-học có quan hệ đến dược-học ở Trung-quốc. Thực là một pho sách có giá trị.

B — Y-học

Y học từ xưa tới nay có tới linh bốn trăm pho, nhưng rút lại có 10 pho cổ điển làm cốt :

1·) *Linh khu kinh*, không biết làm từ bao giờ người ta ức đặc vào khoảng 2500 trước Gia-tô-Giáo Kinh này mãi đến Nam Tống (1130 sau G. T. G.) mới truyền ra đời. Có 12 cuốn ; phần nhiều dạy về môn châm chích.

2·) *Tố vấn kinh*, 24 cuốn. Cũng không rõ ai soạn ra. Người ta chỉ biết là tối cổ vào đời Chu hay đời Tấu (1115 và 216 trước G. T. G.). Trong ghi việc vấn đáp của vua Hoàng-đế và Kỳ-bá về y-lý. Hai kinh trên này, tổng gọi là Nội-kinh.

3·) *Nan kinh*, 2 cuốn của Tấn-việt-Nhân (tức Biển-Thước) đời Chiến-quốc soạn. Pho này phát minh ý nghĩa của pho Tố vấn. Có 81 chương. Trong dạy kinh mạch tạng phủ rành rọt lắm

(Còn nữa)

LIÊN-GIANG

學醫東西

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam.	3$50
Tính các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xứ nóng.	2 00
Khoa chữa Phổi.	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa trẻ con.	0 80
Ngoại khoa.	1 0[illegible]
Sinh lý học.	1 [illegible]

cước quyền lớn 0$63, nhỏ 0$3[illegible]

Hỏi : *M. Nguyễn xuân Dượn[illegible] Lạc-long 22 Tientsin Hanoi*

Thể văn ngụ-ngôn

(*Tiếp theo trang 3*)

Với lời ngay thẳng, lý cứng-cáp, Cóc « ... *bẩm rằng : lại* (nha-lại) *giấu cho Trê nhiều điều, Chẳng qua hối-lộ dã nhiều, Vậy nên mới nói mè-nheo những nhời...* »

Mặc dầu tình ngay, rút cục Cóc vẫn phải tống giam khổ-sở :

« *Cóc ngồi dài thở, ngắn than,*
« *Những là tức ruột, căm gan cho đời !* »

Rồi nhờ vợ Cóc hết lòng lo chạy, nhờ Nhái Bén khôn-khéo làm đơn, Cóc được tha bổng, được nhận con, được về nhà hưởng thú « chè sen, rượu cúc ».

Còn Trê ? phải đánh đòn mấy chập bằng roi đôi và phải « lưu tam thiên lý » vì tội « *dám xem nhân mệnh làm thường, cố tình đoạt-kiếp đường-đường như chơi.* »

Rồi tác-giả kết thúc :

« *Ngẫm xem thế-sự nực cười,*
« *Cũng là giở cái trò chơi đấy mà !...* »

Truyện Trê Cóc này, dưới ngòi bút mộc-mạc, tác-giả làm thành công trong việc đặt cái gạch ngang nối từ phong-nhân xưa, là tác-giả mấy bài ngụ-ngôn bằng những câu ca-dao trên, đến những nhà văn cận-đại chuyên viết lối văn ngụ-ngôn sau khi âu-hóa. Còn về phương-diện văn-chương, ấy lại là chuyện khác, nên đây tôi không phê-bình về mặt nghệ-thuật của *truyện Trê, Cóc.*

Nay tôi chỉ xét theo nội-dung truyện ấy mà nhận thấy mấy chỗ dụng ý này của tác-giả :

a) Chuyện đời có lắm nỗi éo-le rắc rối, lắm người bị oan chỉ vì tình ngay mà lý gian ; lắm kẻ có tội vẫn được ung-dung ở ngoài luật-pháp chỉ vì họ khéo lót đó luồn đây.

b) Trong các án-kiện có nhiều tình-tiết oái-oăm, nếu người cầm cân pháp-luật mà không công minh thì lắm khi đen trắng không được rành-mạch, phải quấy không rõ gian ngay, kết quả sẽ không mang đến cho hạng dân lành đôi chút hạnh-phúc ấm-áp.

Ngoài ra, theo nhận-thức mới, ta lại thấy rõ trong truyện có một bài học về cách-trí nữa.

Một truyện ngụ-ngôn nếu bao gồm được những ba cái dụng ý như vậy, tưởng tác-giả cũng đã đạt được mục-đích lắm rồi. Ta nay không nên đòi hơn nữa ở tác-giả nếu ta nhớ rằng hồi xưa thể văn ngụ-ngôn còn ở thời-kỳ ấu-trĩ và quốc-văn hãy còn chưa được phát đạt.

HOA-BẰNG

(1) *Truyện Trê-Cóc này có cả bản chữ nôm và bản quốc-ngữ. Bản nôm khắc lại năm Bảo-đại nhâm-thân (1932) do Phúc-văn đường tàng bản (có nhiều chữ khắc lầm). Những câu trích dẫn ở đây đều căn-cứ ở bản nôm và tham khảo ở bản quốc-ngữ.*

(2) *Bản quốc-ngữ in là « đến ».*

(3) *Bản quốc-ngữ in là « rầm rầm »*

(4) *Bản quốc ngữ in là « nhìn xem dạ mới ».*

Sáp có bán

QUÊ HƯƠNG

của NGUYỄN TUÂN

Anh Hoa

69 Rue du Charbon Hanoi

Có ít bản giấy qui dành cho các bạn « chơi sách ».

Thư và tiền đề tên

ô. Mai-văn-Phúc

Giới-thiệu

Bản chí mới nhận được :

Đặc san của Ái-hữu cựu-sinh-viên trường Trung-học A. Sarraut và P. Bert (Bulletin de l'Association des Anciens élèves du Lycée A. Sarraut et du Collège P. Bert) lục-cá-nguyệt thứ hai năm 1943.

Tập đặc-san in đẹp, giấy tốt, có trauh-ảnh, dày hơn 200 trang để tặng không các cựu-sinh-viên có chân trong Ái-hữu.

Trong tập có nhiều bài văn về văn-học, khoa-học, lịch-sử, lại có những bài tường thuật dài về các cuộc đi chơi của Hội,

Ra tập đặc-san này, mục đích của Ái-hữu là muốn trong khi trao đổi ý kiến giữa các bạn học cũ, lại còn thắt chặt tình hữu ái Pháp Nam, tình hữu-ái từ khi hãy còn ở ghế nhà trường.

Nhờ tình-hình tài-chính năm nay, Ái-hữu đã tặng cho trường Trung-học A. Sarraut số tiền 1.200$ để mua sách phát thưởng và làm học bổng cho anh em học-sinh nghèo.

Sau 17 năm hoạt-động, hội Ái-hữu cựu sinh viên trường Trung-học A. S. và P. B. đã đạt tới mục đích hữu-ái vậy.

T. Đ

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ

KIM-VÂN-KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp-lục.*

Giá **2$40**

VĂN HÓA

29, Maréchal Pétain — Huế

VĂN HÓA ĐÔNG DƯƠNG

Số 3

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NƯỚC Nam bị một hồi vi như nhật thực, tức là cha con họ Hồ cướp ngôi vua của nhà Trần, từ năm 1400 đến năm 1407, làm cho nước Tàu mượn cớ đánh nhà Hồ giúp nhà Trần để chiếm-cứ nước Nam một lần cuối cùng nữa, vào độ hai-mươi năm (chính là từ năm 1413 đến năm 1428).

Trong năm 1418, có ông Lê-Lợi khởi nghĩa ở Lam-sơn, hơn mười năm thành nghiệp đế, dựng nên nhà Hậu-Lê năm 1428. Lúc bây giờ nước Nam được lừng-lẫy bành-chướng, ở phía tây và phía nam, rồi thành hẳn một đế-quốc.

Đến thế kỷ sau có hai họ làm chúa ganh nhau. Ông L. Finot nói rằng : « Nước Chiêm-thành đã bị diệt-vong đi rồi, thì vua nước Nam được làm chủ cả một nước có những đồng ruộng rộng lớn, trên thì cao-nguyên có dân Thổ Mán, dưới xuống phía nam có một dải đất giài 1.200 cây số, nhưng mới bắt đầu đồng-hóa. Cai trị nổi được một nước có cái địa-đồ lạ như thế, thì phải có một tay đủ cả tài kinh-luân thao-lược. Vừa khi ấy bắt đầu xảy cho nước Nam một tấn bi-kịch lẫn hài-kịch, diễn lại những ông vua bòn-quân, thái-sư hay đại-nguyên-soái đứng lên cầm quyền và chỉ chực cướp ngôi.»

Sau khi nhà Mạc cướp ngôi vua Lê ở Bắc-kỳ, từ năm 1527 đến năm 1592, nước Nam có hai họ xưng chúa ganh nhau : vua Lê chỉ giữ cái ngôi không mà thôi. Phía bắc là họ Trịnh ở tại Hà-nội, cai-trị Bắc-kỳ và mấy tỉnh phía bắc Trung-kỳ. Phía nam là họ Nguyễn ở tại Huế, cai-trị phía giữa và phía nam Trung-kỳ. Hai họ ganh nhau đánh nhau suốt cả một thế-kỷ thứ mười bảy ; nhưng chúa Nguyen không vì sự đánh nhau ấy mà hoãn việc mở-mang cõi đất ở phía nam và tây-nam. Ấy người Việt-nam bắt đầu vào ở Nam-kỳ từ đây ; đất ấy xưa là của Cao-miên, đến giữa thế-kỷ thứ mười tám thành hẳn đất Lục-tỉnh.

Đến phần thứ ba trong thế-kỷ thứ 17 hai họ ganh nhau bị chìm đắm trong cuộc biến loạn của Tây-sơn. Những bòn-quân và đại-nguyên-soái bị mất quyền : vua Lê thì sang Tàu, chúa Trịnh thì bị giết, còn chúa Nguyễn ở phía nam thì chạy sang Xiêm, đem một bọn người giúp việc về để chống nhau với Tây-sơn. Nhờ có ông cố đạo người Pháp tên là Bá-đa-Lộc (Pigneau de Béhaine, chủ-giáo thành Adran) và vài ông quan binh người Pháp, nên chúa Nguyễn mới lấy lại được nước, suốt từ Gia-định (năm 1788) ra đến Thang-long (năm 1802), đặt hiệu là Gia-long. Vua Gia-long dựng nên nghiệp đế cho nhà Nguyễn, hiện nay trị-vì ở Huế, dưới quyền bảo-hộ nước Pháp.

***

Cái ảnh-hưởng nước Tàu truyền sang nước Nam có đủ cả về mọi đường văn-hóa, làm cho nước Nam thành một nước phụ dung của Tàu. Về tôn giáo thì có đạo nho, đạo Lão của bọn phù thủy, đều gốc ở Tàu. Đến cả đạo Phật cũng theo Tàu : về khoảng mấy thế-kỷ đầu Thiên-chúa, đạo Phật có lẽ từ Ấn-độ thẳng sang nước Nam, nhưng dần dần người Nam lại xoay sang chịu ảnh-hưởng của đạo Phật Trung hoa.

Văn-chương, mỹ-thuật cũng bắt-chước Tàu. Luân-lý pháp luật, việc cai-trị, lối viết chữ ; toàn là theo Tàu cả, hay là chịu ảnh-hưởng của Tàu một cách xâu-xa lắm.

Hồi thế kỷ thứ mười, nước Nam được giải phóng ra ngoài vòng nội-thuộc, do nhà Đinh dựng cờ độc-lập, mở riêng triều-đình, đến nhà Lý bắt đầu xâm-chiếm Chiêm thành để mở rộng về phía nam, lúc bấy giờ nước Nam đã tiêm nhiễm cái văn-hóa Tàu, nhiều cho đến nỗi rằng dù có quyền tự-chủ về đường chính-trị mà vẫn giữ nguyên nền văn hóa cũ : chính cái văn-hóa ấy đã ảnh-hưởng ở Bắc kỳ và Thanh hóa vào những dân trước kia vẫn theo văn-hóa Nam Á (*austro-asiatique*) ; bấy giờ người Việt-Nam chiếm được, đem văn hóa Tàu truyền cho, rồi lan suốt ở giọc biển vào đến tận Nam-kỳ.

Cái văn hóa Tàu, trên từ vua chúa, dưới đến quan dân, hầu hết theo cả, nhưng những phong tục trong gia-đình, ngoài làng mạc, của dân quê nước Nam, và những việc thờ thần ở đình miếu, thì không có vẻ gì là của Tàu cả cũng có cái tục từ trước khi người Tàu chưa sang cung đã có, mà nay hãy còn : cứ như thế thì có lẽ những phong tục ấy gốc ở nền văn hóa Nam-Á. Có một vài phong tục hiện nay người Tàu cũng có mà người ta cũng có, vậy thì phải xét xem những tục ấy có phải gốc ở Nam-Á không. Dù thế nào chăng nữa, có một điều chắc, là dân quê Việt-Nam, nhờ cái cốt cách trong gia đình, ngoài làng-mạc, để bảo thủ cho những phong-tục cũ, nên người nhà quê ta giữ được nguyên vẹn cái đặc-điểm của đời thượng cổ, lại giữ được cả cái phong tục và lễ-nghi của Tàu đời xưa, mà cả lễ-nghi ấy chính nước Tau ngày nay đã bỏ đi rồi. (Lược dịch bài G. Cœdès, *Les civilisations de l'Indochine*.)

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-T

ĐỂ TRA CÁC BÀI TRONG

Nam Phong

cần phải có một bản tổng-mục-lục

KHUÔNG VIỆT

Có lẽ trong bạn đọc không còn ai lạ với tạp-chí Nam Phong. Tuy đã im hơi vắng tiếng trên đàn ngôn-luận từ ngày 17 tháng Décembre nam 1934, nhưng dư-âm và ảnh-hưởng của Nam Phong vẫn còn thoang-thoảng trong hàng trí-thức Việt-Nam.

« Ngọn gió Nam » ấy bắt đầu thổi ngày 1er tháng Julllet năm 1917, trong khi bên trời Âu trận đại-chiến tới hồi quyết liệt. Phải có những cơn khói lửa kinh thiên động địa, phải có những cảnh sông máu núi xương, loài người mới tỉnh giấc mê-li, mới động lòng đạo-đức. Nhơn đó những việc cải-cách về chánh-trị, xã-hội được để ý và thi-hành.

Khi Nam Phong ra đời, chính ông Phạm-Quỳnh, chủ-bút kiêm quản-lý của tạp-chí ấy, đã viết trong « *Mấy nhời nói đầu* » :

«... Người nước ta nay đã tỉnh giấc mộng trăm năm, mở cái mắt mơ-màng ra mà nhìn cái thế giới mới. Trông thấy những cảnh-tượng lạ-lùng mà kinh mà sợ. Tưởng mình như người thầy tu khổ-hạnh ở chốn già lam mà hốt-nhiên ai đem ra giữa một nơi thành-thị nôn-nao, cho đứng xem một đám cờ-bạc hay một cuộc hội hè. Trước còn thấy những tiếng xôn-xao dộn-dịp chưa giải ra làm sao, sau nhìn kỹ mới biết rằng cái xôn-xao dộn-dịp ấy là cái biểu-diện sự hoạt-động của loài người ta trong thế-giới bây giờ. Sống ở trong thời-đại này tất phải có một phần trong sự hoạt-động ấy. Muốn có một phần trong sự hoạt-động ấy, tất phải biết cơ quan nó thế nào, tất phải biết cái nguyên-lý, biết cái cỗi dễ nó, vậy thì tất phải nghiên-cứu cái học-thuật của các nước văn-minh bên Thái-Tây, là những nước chủ-động trong thế-giới bây giờ. »(1)

Vậy ta có thể nói rằng trận đại-chiến 1914-1918 ở tận Âu-Tây đã đẻ ra tạp-chí Nam-Phong bên Á-Đông này vậy. Nay, trong khi khắp thế-giới còn đang chìm-đắm vào vòng bom đạn, ta giở lại chồng Nam Phong, thiết tưởng cũng là hợp cảnh.

***

Về nội-dung thì thật Nam Phong không hổ với cái thiên-chức của nó.

Nhận thấy « *quốc-dân đã sụt « xuống mấy bậc trên cái thang « đạo đức, mà cái thang trí-« thức cũng chưa từng thấy « bước lên được bước nào...* »(2), những người cộng-sự và những bạn đồng-chí của Nam Phong đã « bốc » được nhiều « chén thuốc » vô cùng bổ khỏe. Những « chén thuốc » đó, nếu ngày nay đem ra ứng-dụng lại, thiết tưởng cũng còn công-hiệu. Như thế nghĩa là hoàn-cảnh xã-hội của ta ngày nay không khác hoàn-cảnh xã-hội của ta hai mươi lăm năm trước là bao. Điều này ta phải có gan mà nhìn nhận. Than ôi ! một phần tư thế-kỷ đã qua mà dân-tâm dân-trí vẫn đình-trệ, không tiến được bao năm ! Như thế có đáng lo buồn cho tiền-đồ tổ-quốc cùng chăng, hỡi hàng độc-giả ?

Ta hãy trở lại với sự-nghiệp của Nam Phong, một cái sự-nghiệp không bao giờ chết.

Nam Phong có ba thứ chữ : quốc-văn, hán-văn và pháp-văn ; nhưng phần quốc-văn là quan-trọng hơn cả, vì theo lời ông Nguyễn-hữu-Tiến trong bài « *Tổng thuật sự-nghiệp Nam Phong* »(2) thì « *sự-nghiệp Nam Phong « cống-hiến cho quốc-dân trong « mười tám năm trời, nay tóm « lại không ngoài hai cái tinh-« cách : một là bắt đầu làm « cho tăng-tiến trình-độ tiếng « Nam...* »

Trong mười tám năm, « ngọn gió Nam » tuy không ngừng thổi, nhưng cũng có hồi xao-xuyến, không đều một sức gió. Xao-xuyên lúc Phạm Thượng-Chi tiên-sinh sang Pháp và dịu dần đến tắt nghỉ sau khi tiên-sinh vào Kinh lãnh chức không bao lâu.

Dầu sao, Nam Phong đã để lại cho đời một công-trình đáng ghi-nhớ. Công trình đó gây dựng bởi những bài phê-bình, khảo-cứu công-phu về Khoa-học, Kinh-tế

Lịch-sử Phong-tục, Tôn-giáo, Triết-học, Chánh-trị v...v... và những thiên dịch-thuật đáng giá.

Trong phần hán văn, có nhiều áng văn xưa và nay tản-mát khắp nơi đã được sưu-tập và đăng ra. Trong số đó tập văn của Nguyễn Trường-Tộ là một.

Phần pháp-văn chỉ là phụ trương, đăng những bài trích trong các báo bên Pháp hay ở xứ ta, hoặc do các « ngòi viết Đông-Dương » trước tác.

Như trên đã nói, phần quốc văn của tạp-chí Nam Phong là phần quan-trọng do giá-trị và tánh-cách phổ-thông của những bài trong đó. Những bài ấy, ngoài sự ích-lợi đối với những người hiếu học, nhứt là người hiếu-học quốc-văn, còn là những tài-liệu quí cho ai muốn tìm hiểu về một vấn-đề riêng-biệt nào.

Tuy nhiên, trong 210 số Nam Phong ngót 15.000 trang giấy, biết đâu là sở-thích để lật ngay ra đó. Bởi thế có nhiều người sẵn bộ Nam Phong bên mình mà ít khi dùng được, chẳng khác nào khách yêu hoa vào một cảnh vườn mênh-mông, đầy hương sắc, mà không biết đường lối để tìm tới gốc Mai mình quí, cành Đào mình yêu.

Đã đành một phần các bài có giá-trị của tạp-chí Nam Phong đã được Nam Phong tùng-thư in ra thành sách; nhưng những sách đó nay đã tiêu-thụ hết. Ngoài ra còn nhiều bài khác cũng đáng in ra và đáng là giai-phẩm của văn-học giới Việt-Nam ; công việc nên làm ấy chưa được ai để ý tới.

Đã đành mỗi số Nam Phong đều có mục-lục, và mỗi quyển (tome) gồm 6 số có một tờ mục-lục riêng của quyển ấy. Nhưng trong việc tra-tìm cần nhất là đầy đủ và nhanh-chóng. Dò trong 36 tờ mục lục kia phải mất bao nhiêu thì giờ mà chưa chắc đã tìm được đủ những bài chung về một vấn-đề.

Do đó chúng tôi nhận thấy cần phải có một cái mục-lục chung cho toàn bộ Nam Phong, như những mục-lục của tập kỷ-yếu của Trường Viễn-Đông Bác-cổ và của hội Đô-thành hiếu-cổ.

Làm cái công dẫn đường ấy, ông Nhân-Nghĩa đã quan-tâm đến trong Tri-Tân số 3, ngày 17 tháng Juin năm 1941. Nhưng ông mới chỉ sơ-lược kể ra một vài loại bài hữu-ích của tạp-chí Nam Phong để giới-thiệu với các bạn đọc thôi.

Chúng tôi không giám tự-phụ sành-sỏi về việc đó ; nhưng với chút ít kinh nghiệm, và nhứt là với một tấm lòng sốt-sắng giúp ích các bạn hiếu học, chúng tôi, sau sáu tháng, đã sắp thành hai bổn mục-lục gồm tất cả những bài của toàn bộ Nam Phong.

Nay chúng tôi xin trích một vài đoạn để trình bày cùng bạn đọc và luôn tiện thỉnh giáo những chỗ thiếu-sót sai-lầm.

***

Chúng tôi làm một mục-lục tên tác giả và dịch-giả (catalogue des noms d'auteurs et de traducteurs), xin gọi tắt là « *Mục-lục tên* », và một mục-lục chia loại (catalogue des matières), xin gọi tắt là « *Mục-lục loại* », theo phương-pháp thông-dụng trong các thư-viện lớn.

I. — Mục lục tên

Tên luôn luôn đặt trước họ, vì tên ít trùng nhau. Ví dụ Nguyễn-văn Ngọc, chúng tôi sắp Ngọc (Nguyễn-văn).

Về biệt-hiệu thì không thay đổi. Như Thượng-Chi vẫn sắp Thượng-Chi.

Đối với những tác-giả, dịch-giả mà chúng tôi được biết tên lẫn biệt-hiệu thì chúng tôi làm thêm một cái phiếu hồi-tổng (fiche de renvoi). Ví dụ sau những lá phiếu về Phục (Nguyễn-đôn), chúng tôi kèm một lá đề : *Phục (Nguyễn đôn), xem luôn Tùng-Vân* ; cũng như sau những lá phiếu về Tùng-Vân, chúng tôi kèm một lá đề : *Tùng-Vân, xem luôn Phục (Nguyễn-đôn)*.

« Mục lục tên » này thu về một chỗ tất cả những bài của một người trước-tác hoặc dịch-thuật. Bài dịch-thuật sắp sau bài trước tác. Ví dụ ta muốn biết ông Trần-trọng-Kim đã có những bài chi đăng trong Nam Phong, ta cứ tra Kim, sẽ thấy :

Kim (Trần-trọng) :

1) *Đạo giáo* (Đạo Lão-Tử). — Bài diễn-thuyết ở Việt-Nam thanh-niên hội.

N. P. số { 67-1923-trang 21-32
68-1923-trang 103-113
74-1923-trang 113-127
75-1923-trang 197-209 }

2) *Nho giáo*. — Bài diễn-thuyết ở Việt-Nam thanh-niên hội.

N. P. số { 65-1922-trang 353-371
66-1922-trang 436-456 }

(*Xem tiếp trang 20*)

Giá báo

Mỗi số	0$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giả gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

Phạm thái

Cả tim gan,
Cương quyết hiến tim gan,
Nguyện anh hùng hưng phục lại giang san.

Hoàng phi

Hưng phục lại giang san!
Lòng ta rung, sung sướng, mê man,
Ta lại thấy ngôi vàng đương chói lọi,
Dưới xanh thẳm chín từng cao vòi vọi,
Đảng trung thần hưng phục lại triều Lê;
Lòng ta rung, sung sướng, nhịp đê mê...

Phạm thái

Đê mê sung sướng đê mê,
Vì rồi đây gây lại nghiệp triều Lê...

***

Đây đã đến non sông miền xứ Lạng,
Nơi thăm thẳm vừng hồng tuôn lênh láng,
Trông xa kia đã thấy bóng Thanh-xuyên-Hầu,
Đương uy nghi xuống ngựa đứng bên cầu...
Cùng chàng bước,
Hay tiện tướng xin thẳng đường dong đến trước...

Thanh-xuyên-Hầu
(ra đón tiếp)

Xin khẩu đầu bái lạy Hoàng-Phi:
Nơi rừng hoang rộn rã tiếng từ qui;
Đây sơn cước âm u dày vắng vẻ;
Đây mây núi pha sương, vờn quanh quế;
Đây còn mang nặng nợ quân vương;
Đây oai hùng man mác cảnh biên cương
Còn mong mỏi đợi chờ ngày báo phục,
Đề, than ôi! mai kia rồi rửa nhục...

Tỳ tướng *(ra)*

Bẩm tướng công:
Một tin buồn ảm đạm cả non sông:
Hoàng đế đã!...
(Phạm Thái ra hiệu cho người kia, nhưng ý không trông thấy)

Hoàng phi:

Làm sao mà dáng người trông tất tả?..

Tỳ tướng

Bẩm hay tin Hoàng-đế đã...

Hoàng phi:

Sao ngươi?

Tỳ tướng

Quá đau thương không nỡ thốt nên lời...

Hoàng phi

Hoàng-đế đã sao rồi, khi cách biệt?

Tỳ tướng

Hoàng-đế đã... cùng non sông vĩnh quyết!
Và năm trên, Hoàng Tử đã qua đời!...
(Mọi người ân hận vì Hoàng Phi biết rõ tin đau buồn mà lâu nay họ đều dấu kín)

Hoàng phi:

Thôi cành Lê, lá ngọc đã bay rơi!
Ta đã hiểu, từ lâu, ta đã hiểu:
Trải bao lúc hoang mang trong mộng triệu...
Mà giờ đây mới tỏ rõ vân vi!
Thôi giờ đây còn suy tính nữa mà chi!
Đau đớn quá bởi dài thêm mộng tưởng!
Mây năm sắc não nề tan mấy hướng!
Thân mọn hèn mong ước vận tề hưng:
Từ xa xôi len lỏi đến chân rừng...

***

Thảm thiết quá,
Tiên quân ơi! ôi ái tử!
Nơi cõi thế phù sinh;
Bẽ bàng thay khách lữ!
Đành vận nhà thế nước lúc lâm nguy...
Nhưng trời già, cay nghiệt lắm mà chi!

Kịch dài bằng thơ

Phạm-Thái

Viết theo « Tiêu-sơn tráng-sĩ » tiểu thuyết của Khái-Hưng

Số 7 PHAN-KHẮC-KHOAN

Nỡ lòng đâu chia rẽ:
Vua xa tôi, vợ lìa chồng, con cách mẹ,
Để người Nam kẻ Bắc, thảm đôi nơi,
Để thù nhà, hận nước, mãi chơi vơi...

***

Đã sinh ly còn gây nên tử biệt!
Còn hãm hại những trang anh tài, tuấn kiệt!
Để long đong cho số kiếp má hồng...
Để điêu linh cho sự nghiệp anh hùng....
Trời đa đoan, trời khắc bạc!
Trời bất công trời độc ác!
Thương mang chi mà điên đảo đến vô cùng!
Uy linh chi mà phụ mãi tấm lòng trung?

Thanh-xuyên-Hầu

...Dầu Thánh-Thượng theo mệnh giời đã sớm khuất,
Nhưng nước nhà còn lại một Hoàng-Phi,
Vả, đoàn nghĩa sĩ của Lê triều chưa mất,
Thì... giang sơn còn tránh khỏi bước suy vi...

***

Xin lệnh bà hãy nguôi sầu dẹp lệ:
Vì tủi hờn thêm thảm thiết nguồn cơn;
Cho thần đẳng bên Hoàng-Phi, hộ vệ,
Còn mong... dàng... giữ lại tấm giang-sơn...
Xin lệnh bà hãy lưu vào nơi thảo xá,
Để dừng chân, tạm nghỉ bước gian lao;
Ngày hưng phục chẳng bao xa,
xin nấn ná:
Vừng hồng tươi hứa hẹn đỉnh non cao...

***

Các hiền hữu hãy tin cùng nhau về trại mới
Để định bàn công việc của ngày mai;
Cờ Tổ-quốc đã bao lần reo phấp phới:
Màu vàng tươi rực rỡ lẽ đâu phai!

Phạm thái

Màu vàng tươi rực rỡ quyết không phai,
Màu vàng tươi hứa hẹn một tương lai!
(Màn chuyển lại bày ra một cảnh nhà tranh, bà Hoàng-Phi vào nghỉ)

Âm nhạc bên trong

Cảnh II

NHÂN VẬT: *Bà Hoàng-Phi*
Vua Lê (bảo mộng)
rồi Nhị Nương
rồi Phạm Thái

Âm nhạc: nam bình

Bà Hoàng phi *(than)*

Sương rơi tơ liễu sương buông lơi...
Lệ rủ sầu mi, lệ nhỏ rơi...
Gió hờn than thở mây mờ trôi...
Chiếc nhạn cô đơn liệng góc trời...
Nước trời man mác buồn chơi vơi...
Hồn người thất thơi nơi xa xuôi. (1)
(rồi thiếp giấc)

Vua Lê:

(bảo mộng trong lúc Hoàng-Phi thiếp giấc)

Ái khanh ơi! lòng kiên trinh dũng liệt
Của Phi đà cảm khái cả hồn oan;
Thảm thiết quá, sau hồi ta vĩnh biệt
Bao đêm Phi thao thức lệ tuôn tràn!
Nhưng Phi hỡi! dẫu xa rời ngôi Cửu ngũ,
Hồn trẫm còn lưu luyến mãi Nam-bang,
Nơi trẫm đã từng phen làm bá chủ,
Nơi cao bay phơ phất ngọn cờ vàng...

Nhị nương *(vào)*

Hoàng phi *(thức giậy)*

Hiền muội ơi! lòng ta buồn thảm lạ:
Từ hay tin Hoàng-thượng đã băng hà,
Hồn mơ thảm như chiều xao tiếng quạ;
Đêm đêm dòng châu lệ lại tuôn sa;
Ta hằng thấy bầu tim rung rạo quá,
Đang nung sôi trong những phút căm hờn,
Như giò giữ tung hoành khua xào lá
Tuy lòng còn hy vọng với giang sơn.

(Còn nữa)

PHAN-KHẮC KHOAN

(1) Đoạn này có thể pha thanh âm nhạc.

Đón xem: **Phạm-Thái**

Viết dựa theo « Tiêu Sơn Tráng-Sĩ » của Khái Hưng. MỘT CÔNG TRÌNH TRANG NGHIÊM VÀ VĨ ĐẠI. Những vần thơ rất say sưa hùng hồn và mãnh liệt (nữa) quan niệm đặc biệt trong nghệ thuật viết và diễn kịch thơ để đánh dấu thêm MỘT KỶ NGUYÊN MỚI trong văn-nghệ nước nhà.

Kịch dài ba lớp bằng thơ

(bản in trong sách kịch vừa bán đăng ở « Tri-tân tạp chí »),

của **PHAN KHẮC-KHOA** tác giả

1· TRẦN CAN, LÝ
2· CHIÊU HOÀNG
những vở kịch dài đầu tiên bằng thơ trong thi giới Việt-nam, đã diễn gần 20 lần ở Hà-nội và các nơi khác.

3· **XA XA** *thơ mùa biển; 2$00 sắp hết, những hương vị của hè tươi, sóng lam, cát trắng. « Những bức tranh rất thần tình.. Những bài thơ nhẹ nhàng và ngộ nghĩnh như những haikai của người Nhật » (Hoài-Thanh)*

4· **THƠ VỘI** *dịch thơ của OMAR KHAYYAM; 1$20 sắp hết. « Lần này là lần đầu tiên Thư viện nước nhà đón rước một bực tài hoa của nước Ba-tư người mà thiên hạ đã liệt vào các bực đại thi hào cổ kim của thế giới ».*

Sắp ra **Quỳnh Như** (Phạm Thái II)

VIỆN SÁCH QUỐC HƯƠNG

HANOI VINH THANHOA HUÉ

GIA THẾ HỌ ĐINH

Ở HÀM-GIANG

Số 2

TIÊN-ĐÀM

Nam Kỷ-tỵ (1629), theo Trịnh vương đi Bắc phạt, ông sung làm tiên-phong, cùng quân nhà Mạc đánh nhau ở Cao-bằng, chém hơn 1000 người ; giặc thua chạy.

Mạc-kính Cung lại thân đem đại binh cự đánh. Ông thấy trong quân giặc thị - tụng rất nghiêm, đoán biết có Kính-Cung ở đấy, liền tuốt gươm vẫy quân hô to lên rằng : « Theo ta cùng đi ! » Rồi mạnh - mẽ và nhanh - nhẹn thẳng xông đến trước mặt Kính-Cung ; quân giặc giạt lướt, chết vô kể. Kính-Cung giở tay không kịp, liền bị bắt sống điệu về. Một trận đại-thắng ấy, ông được kể là người có chiến công độ nhất, được phong Tài-lộc-hầu

Nam Ất-dậu (1645), niên-hiệu khúc-thái, con thứ chúa Thanh-vương là lũ Phù-hoa làm loạn, chúa sai thế-tử là Trịnh-Tạc đem binh ra dẹp ở phường Phúc-phố. Ông Đinh-van-Tả làm Tiên-phong, cùng đánh nhau ở Hoành-đình. Quân giặc vây chặt quân Triều-đình đến mấy vòng. Chúng lại cho một toán quân cắt đứt đại binh ra hai đoạn [illegible] cho đầu đuôi không liên-lạc [illegible]c với nhau. Thế-tử Trịnh Tạc [illegible]ứt lui trước. Đinh-van-Tả bị [illegible]trong vây, hai con ông hết [illegible]ạh giải vây, đều bị tử trận, [illegible]y thế, cả giận, cầm cái búa [illegible]t lên trước, la-ó xông ra, [illegible]hòn được 18 thủ-cấp. Giặc [illegible]hải vỡ. Trịnh-Tạc thấy ông còn sống, liền đem binh hợp với ông cùng phá tan quân địch và bắt được Phù-Hoa.

Năm Đinh-hợi (1647), bọn Ô-phỉ ở Đông-hải làm dữ. Triều-đình sai ông làm Đô-tổng-binh, giữ việc trấn-thủ An-quảng để đàn-áp ; giặc cướp lần lượt bị bắt giết. Miền Đông-hải được yên.

Năm Canh-dần (1650), tướng nhà Nguyễn là Chiêu-võ hầu (Nguyễn-hữu-Dật) tiến binh đánh Bắc-Bố-chính, phá đồn Kỳ-hoa : tướng Trấn-thủ là Lê-Hiếu và Trịnh-Trượng đều thua. Thanh-thế quân Nam-hà càng thêm lẫy-lừng, đất Hoan, Diễn có vẻ xao-xuyến rung động.

Chúa Trịnh sai Ninh Quận-công là Trịnh Tuyền làm Thống-lĩnh, Đinh văn Tả làm phó-tướng. Quân ông tiến lên trước, gặp quân Chiêu-võ hầu ở Kỳ-hoa đánh vỡ và đuổi đi được. Dân-tình lại được yên.

Năm Nhâm-thìn (1652), thân-Thần họ Trịnh là Tuấn quận-công Trịnh-Lãm âm nuôi yêu-nhân, đặt ngụy hiệu là Tuyên-đức, ngấm ngầm cho binh giả làm thương-thuyền, phục đồn ở trên sông Nhị-hà, hẹn đốt lửa làm hiệu, nhất tề cùng đánh vào kinh-thành.

Đinh van-Tả vừa ở Nam-hà về, sung chức Thống-đốc thủy-sư chư ban, Tuần-tiễu Đại đô-đốc, đương đêm đi tuần, thám được hiệu giặc, mất báo lên chúa Trịnh. Chúa sai ông kiêm cả mọi quân thủy bộ, chia binh đón đánh, bắt sống được Trịnh-Lãm cùng 1.800 người. Còn dư-đảng mất hiệu-lệnh đều chết ở trong sông Nhị-hà. Kinh-thành lại được yên.

Niên-hiệu Thịnh-đức, năm Ất-mùi (1655), Ninh quận-công Trịnh Tuyền ra trấn thủ Nghệ-an, ông được làm phó. Về sau, Ninh quận-công bị tội (1), triệu về hạ ngục ; ông một mình được lưu trấn thay lĩnh binh-quyền.

Năm Bính-thân (1656), ông tiến binh vây quân Chiêu-võ hầu ở Thạch-hà, Hướng-phác : ba lần đánh đều được lợi.

Niên-hiệu Vĩnh-thọ, năm Mậu-tuất (1658), tiến đánh Tuần-lễ đại phá quân Nam.

Năm Canh-tý (1660), chúa Trịnh sai Phú quận-công Trịnh Can thống lĩnh quân-vụ ở Nghệ-an. Lê Hiến, Hoàng Nghĩa-Giao làm tả-hữu dực, Đinh văn-Tả làm tiên-phong đánh lui được quân của Chiêu-võ hầu ở khoảng An-điềm. Phù-lưu, lấy lại được Hà-nam 7 huyện. Đinh văn-Tả được lưu lại làm trấn-thủ Nghệ-an, ông xem đất, chia đồn ở phía bắc sông Lính-giang, đặt trọng binh phòng ngữ, lại cho mở chợ thông thương rất là vui-vẻ. Châu Bố-chính từ khi Nam, Bắc phân tranh bị tàn-phá gần hết, ông phái một mạt nghiêm phòng, một mạt vỗ-về dân sự cho được an-cư lạc nghiệp.

Từ đấy Chiêu-võ hầu cũng lui về cố thủ lũy Thày, không đem binh ra nữa. Tương truyền lúc ấy trong Nam có câu : « Phùng Ninh tắc chinh, phùng Đinh mạc hành » (nghĩa là gặp Ninh (Ninh quận-công Trịnh Tuyền) thì đánh, gặp Đinh (Đinh van-Tả) thì tránh)

Thống chế Pétain đã nói :

« Hỡi các bạn thân qui, hãy đuổi sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và cố bỏ những lời phỉ báng chua-chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc-Trưởng yêu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông tố ».

Niên-hiệu Cảnh-trị thứ năm Đinh-mùi (1667), Trịnh-vương đại cử Bắc chinh, ông làm Đốc-suất, theo đường Tung-cao đến Thất-tuyền (nay là Thất-khê). Quân Mạc hằng thua, lui về giữ Châu-lăng, Miên-khâu, cậy thế hiểm trở, quan quân không đến đánh úp được. Đinh văn-Tả chia quân theo đường lặng tiến như chuỗi cá lên núi, thẳng vào dinh giặc. Quân nhà Mạ tan vỡ, chém hơn một vạn đầu, bắt sống được tướng nhà Mạc là quận Huân, quận Vĩnh, và đồ-đảng khí giới rất nhiều. Mạc kính-Vũ và lũ Trung-Tín bỏ chạy đến núi Ngọc-sơn. Đinh văn-Tả tiến đánh, bắt được Trung-Tín, vợ Mạc Thiệu-vương, đại-tướng Kính-Liêu, thượng-thư Trần Tung cả bọn 800 người. Vì có công to ấy, ông được tiến phong quận-công.

Năm Mậu-thân (1668), được thăng Tả-đô-đốc lưu lại trấn-thủ mấy xứ Cao-bằng, Lạng-sơn, Thái-nguyên, coi mọi việc quân dân. Ba năm, biên-cảnh được yên.

Niên-hiệu Dương-đức, năm Nhâm-tý (1672), Trịnh-vương vâng mước xa-giá vào đánh phương Nam, khiến Lê Hiến và Đinh văn-Tả làm chánh phó thống-suất. Đinh văn-Tả lĩnh ba vạn thủy quân, do bên trái đường bể tiến đánh. Chiêu-võ hầu chia quân cho Thái-võ hầu cùng ông cầm-cự ở cửa bể Nhật-lệ. Đinh văn-Tả dùng trận-pháp « chi-lập », bốn mặt giáo bắn : Quân của Thái-võ hầu trước sau chịu địch, cả vỡ, chết đuối dưới bể rất nhiều ; thuyền bè bị quân nhà Trịnh bắt lấy cả. Đinh văn-Tả thừa thắng, đem binh lên bờ, lập trận-pháp « trùng lũy », công phá lũy Thảy, tên đạn bắn vào như mưa : trong lũy tử thương rất nhiều, suýt nữa thì bị vây hãm khốn-đốn.

Lúc ấy bộ binh của Lê Hiến đánh thành Trấn-ninh đã hàng thắng mà không được, lại bị quân Chiêu-võ hầu đánh thua, đại quân phải lui về ; ông cũng thôi vây, rút lui.

Lê Hiến được lưu lại đóng giữ Hà-trung, còn Đinh văn-Tả làm án hậu hộ giá về Bắc.

Về đến kinh-đô, nhà vua úy-lạo ông rằng : « Tiến thời xung phong, lui thời đoạn hậu, khanh thật là xứng với chức-phận của mình. Lại xem khanh xếp-đặt cơ mưu vượt qua ý nghĩ của người ta : danh tướng đời xưa cũng không hơn thế. » Rồi ông được tấn phong Tân-trị công thần Thái-phó Lộc-công.

Niên hiệu Vĩnh-trị, năm Bính-thìn (1676), ông được phong làm Bắc-chinh đại đô-đốc, đem phó tướng là bọn quận Hán, quận Vịnh, lĩnh ba vạn nam nghìn quân tiến đánh Cao-bằng.

Trước kia, Mạc Kính-Vũ bị thua, chạy trốn sang Tàu, đổi tên là Mạc-nguyên-Thanh, đem của lót bọn biên thần nhà Thanh để họ tâu lên vua Thanh dụ nước ta giả họ Mạc 4 châu, làm nơi Kính-Vũ ở yên mà xưng phiên thần. Rồi Kính-Vũ lại chiếm giữ lấy đất đai, tiếm nguyên, chống mệnh thổ dân đều bị hiếp chế, binh lực có đến năm sáu vạn người. Lại có bọn thần nhà Thanh là Ngô Tam-Quế giúp sức, nên thanh-thế rất mạnh, quan quân đánh mãi không được.

Trịnh vương và đình thần luôn dâng tấu-chương lên vua Lê mà tâu rằng : « Đinh công là bậc túc tướng, trí dũng gồm đủ, cả Triều không ai hơn được. Nay muốn phá giặc giặc dữ, cứu lấy nhân dân một phương, không có người ấy không thể được ». Vì thế Đinh-văn-Tả lại được cử đi đánh họ Mạc. Ông ở lâu trong đám binh-nhung, xa gần, già trẻ, không ai là không biết tiếng. Lại năm trước làm trấn thủ bắc biên, rất được dân tình mến phục, nên nay nghe ông lĩnh binh, ai cũng vui vẻ theo về với ông. Tướng tá bên giặc

(Xem tiếp trang 21)

HỒ BA BỂ

là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ

HỒ BA BỂ ?

xin mời các bạn hãy thân du với tác-giả tập du-ký

HỒ BA BỂ

ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai màu

In tại nhà in Tri-Tân

giá 2$00 một cuốn.

Có bán khắp xứ Đông pháp tại địa-chỉ tác-giả Nhật-Nh TRỊNH-NHƯ-TẤU Tham phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Ha

QUYỂN THI VĂN BÌNH CHÚ

Số 11

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

VII. — Cao-bá-Nhạ

Quyển *Thi-văn bình-chú* chép cả bài trần-tình của ông Cao-bá-Nhạ. Bài này so với bản chữ nôm có nhiều chữ sai, như chữ sau này :

Trang 131, « Để mai sau một ít vai-danh » : chữ « vai » nhầm ; chính là chữ « vi », nghĩa là nhỏ ; câu này nghĩa là để một ít tiếng-tam nhỏ mọn về sau. Chữ « vi-danh » cũng như chữ « ta-tiểu phẩm-hàm » bây giờ.

Trang 133, « Nặng lòng son sơn hải chưa danh » : nếu thế, thì không đối được với câu trên ; phải theo bản nôm, chữa lại như thế này :

Ghê chân, bước phong-trần mới trải,
Nặng lòng, ơn sơn hải chưa dành.

Câu trên nghĩa là mới ra đời đã trải phong-trần, cho nên « ghê chân ». Câu dưới nghĩa là ơn cha mẹ như núi bể, chưa báo đáp xong : chưa báo đáp, tức là « nặng lòng ».

Trang 135, « Gần trông phải gượng nuốt sầu ngậm cay, Gối vò võ, đèn soi đêm vắn ». Bản nôm viết là :

[illegible]ần trông phải gượng nuốt sầu ngậm than,
[illegible] vò võ đèn tàn đêm ng[illegible]in.

[illegible]ng Ngô-tất-Tố chép là [illegible]m cay », nên ông phải đổi [illegible] đèn tàn » làm chữ « đèn [illegible] : « đèn tàn » mới là cảnh [illegible]n ; nếu đặt là « đèn soi », thì thường lắm, vì đèn nào là đèn chẳng soi !

Trang 135, « Mối tâm-sự rối mười phần thảm, Gánh gia-đình nặng tám năm dư » : chữ « gia-đình » ở đây không đúng, chính là « gia-tình », vì « tình » đối với « sự » mới cân ; nếu chép là « gia-đình » thì không đối nổi.

Trang 135, « Hương thề-nguyện khói nồng trước gió, Tờ tố oan tay ngỏ giữa trời. Tờ oan tỏ hết bao lời, Hương thề sao chửa thấu nơi cửu trùng? » Bản nôm chép là :

Hương thề-nguyện khói lồng trước gió,
Tờ tố-oan mở ngỏ giữa giời.
Tờ oan kể xiết bao nhời,
Hương thề sao chửa thấu nơi Cửu-trùng ?

Câu thứ nhất nghĩa là đốt hương thề-nguyền thì khói đưa hương lên, thế là « khói lồng » chứ không phải « khói nồng ». Câu thứ hai nghĩa là viết tờ kêu oan, giải ở trên án giữa giời, nên gọi là « mở ngỏ », không phải « tay ngỏ » như ông Ngô Tất-Tố chép.

Trang 138, Áo xốc xếch nửa mình chắp nối » : chính là « nửa manh ». Phương-ngôn có câu : « Cơm ba bát, áo ba manh » lại có câu : « Già được bát canh, trẻ được manh áo mới », và câu : « Hơn nhau tấm áo manh quần, Thả ra bóc trần ai cũng như ai ». Như thế, « manh » là một cái, một chiếc, hay một mảnh ; nếu viết là « mình » thì vụng lắm.

Trang 138, « Sầu dài chưa nửa nào song, Bước ra dùng-dằng lại trông trở vào ! », nên chép theo bản nôm là :

Sầu dài chia nửa vừa xong,
Bước đi dùng-dằng lại trông dở vào.

Chữ « nào song » của ông Ngô Tất-Tố không thuận nghĩa bằng chữ « vừa xong », « vì rằng có « vừa xong » thì bước đi mới muốn trông lại ; nếu « nào song », tức chưa xong, thì câu dưới không ai lại đặt chữ bước đi trông lại như thế.

Trang 138, « Xung quanh chín khúc mấy hồi » : chính là « *Sông* quanh chín *khúc* mấy hồi ». Bản nôm của tôi chép là :

Quanh quanh sông cuốn chín hồi,
Bon bon đường quạnh mười thồi nhọc-nhằn

Hai câu này tả cảnh con sông nhiều khúc, nên phải quanh quanh mãi ; con đường dài đến mười thồi, tức mười đoạn, mười đỗi, mà hiu-quạnh, nên đi bon-bon mãi. Quyển *Thi-văn bình-chú* và một vài quyển nữa chép câu dưới là « Con đường man-mác mười thồi nhọc-nhằn ». Bốn chữ « Con đường man-mác » không bằng chữ « Bon bon đường quạnh », vì « man-mác » là nói sông nước, chứ không phải nói con đường. Người ta thường nói « nước mây man-mác », « công-việc man-mác » ; trong *Kiều* có câu « Hoa trôi man-mác biết là về đâu », *Cung-oán* có câu « Sân đào lý mưa lồng man-mác », v.v

Trang 140, « Đọa đầy một đóa hàn mai, Phẩm tiên lưu-lạc trần ai lạ lùng! »: chữ « đọa đầy » và chữ « hàn mai » không đúng, phải theo bản nôm chép là :

Đã đầy một đoá hoa mai,.
Phẩm tiên lưu-lạc trần-ai lạ-lùng!

Nghĩa là đã đầy cho làm một đóa hoa mai, — hoa mai là tiên-phẩm, — mà bắt lưu-lạc trần ai thì thật lạ lùng!

Trang 140. « Đuốc linh-tê thấu chữ kỳ san »: kỳ san không đúng vì không nghĩa, phải chữa là kỳ-oan, nghĩa là cái oan lạ-lùng.

Trang 141, « Sông sầu một gốc chia đôi, lối sầu trăm dặm một thôi đoản - tràng », nên chữa theo bản nôm như thế này :

Sông sầu một dải chia đôi,
Lối sầu trăm dặm mười thôi đoản trường.

« Dải » là một làn nước ; chỗ này đặt chữ « dãi » thuận nghĩa hơn chữ « gốc ». « Mười thôi », chứ không phải « một thôi », vì có mười thôi thì mới có đoạn ngắn (*đoản*), đoạn dài (*trường*), chứ « một thôi » thì lam gì có ngắn dài ?

Trang 146, « hơi may héo-hát từ đây » ; bản nôm chép là :

Hắt-hiu hơi gió từ tây.

Nghĩa là gió tây hiu-hắt lạnh lùng: hiu-hắt là gió may, nếu héo - hắt là quắt lại, không tươi. Còn chữ « tây » là gió tây ; nếu chép « đây » thì sai.

Trang 149, « nỗi ly-biệt nói năng sao xiết ? Tình tương-tư nào biết bao nhiêu » : nên theo bản nôm chữa là :

Nỗi biệt-hận nói năng sao xiết?
Tình tương-tư nào biết bao nhiêu ?

Chữ « biệt - hận » ông Ngô Tất - Tố chép nhầm là « ly-biệt », kể ra cũng không đến nỗi sai nghĩa, nhưng ở câu này « ly-biệt » đối với « tương-tư » không chỉnh.

Bản nôm của tôi còn có nhiều chữ khác với bài của ông Ngô Tất-tố, như câu :

Quanh mao-ốc giăng hiên gió mát,
Dải thanh-giang rượu lái thơ chèo.

Ông Ngô Tất - Tố chép là « quanh mao - quật gió hiên giăng mái, giải tình giang thơ tối rượu chiều » (trang 147). Tuy không sai nghĩa. nhưng thiết-tưởng chữ « rượu lái thơ chèo » hay hơn, vì câu ấy có chữ giang là sông : sông thì có thuyền, nên có chèo có lái, mà chữ nho có chữ « thi thuyền tửu thuyền », v. v.

Đạo con giữ hiếu trung làm trọng,
Gác cương-thường mảnh mỏng xem khinh,

Ông Ngô Tất-Tố chép là : « Đạo con lấy hiếu trung làm trọng, Nỗi thế - thường xem mỏng xem khinh » (trang 132). Câu trên có chữ trung-hiếu, mà câu dưới có chữ cương-thường thì hay hơn chữ thế-thường, vì cương - thường là trung-hiếu.

Lại câu :

Cho nên lòng vẫn giữ lòng.

Ông Ngô Tất-Tố chép là : « Cho nên lòng cũng đành lòng (trang 132) đại-ý không sai mấy, nhưng chữ « vẫn giữ » có ý trung-hậu ; nếu chép chữ « cũng đành » thì không phải giọng văn trần-tình, vì đương cầu xin người trên, mà nói « cũng đành » thì sao được ?

Còn những chữ lặt vặt thì nhiều lắm, nói ra đây phải hai ba trang nữa, để sau này có dịp gì, tôi sẽ đăng cả bài trần-tình theo bản nôm của tôi.

(*Còn nữa*)

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

180

mẫu ruộng ở cách Thái-Nguyên 5 cây số, có sẵn trâu bò và nhà ở muốn bán ngay.

Hỏi : 195 phố Bông Hanoi.

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00

của **Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN**

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hànội : *Hiệu sách Đông Tây 195 Hàng Bông*
Huế : *Hiệu sách Vân Hòa 29 Maréchal Pétain*
Sa gon : *Nhà sách Nguyen-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

CỤ THỦ-KHOA BÙI-HỮU-NGHĨA VỚI TUỒNG

« KIM THẠCH KỲ DUYÊN »

(Thời-kỳ cáo lão qui hương dĩ hậu và khi soạn tuồng K.T.K.D.)

Số 2

NGUYỄN ĐẠI-LIÊNG

Tiếc vì ở đây tôi chưa có thể đọc hầu quí ngài bài văn cụ Thủ-khoa tế bà vợ lớn. Có lẽ sau nầy tôi sẽ tìm ra được. Tôi không còn di bút cụ Thủ-khoa mặc dầu tôi đã thấy tuồng chữ của cụ trong bản thủ cảo tuồng *K. T. K. D.*. Bản thủ-cảo ấy viết trên những trang giấy trắng bên trong của một sấp tờ lịch tàu cũ tháo ra.

Theo lời ông thân tôi nói thì tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên* thảo tại Bà-đồ và khi thảo ra tuồng ấy cụ Thủ-khoa và ông thân tôi thay nhau mà viết. Khi cụ Thủ-khoa đã viết mỏi, cụ lên võng ngồi hoặc nằm, rồi vừa đặt vừa nói cho ông thân tôi viết ra.

Đoạn nào cụ coi không vừa ý, cụ biểu bôi rồi sửa lại. Đoạn nào cụ khoái trí, cụ cười lớn rồi bình cho nghe Nhưng thời khắc thiên-tài hi hữu đẻ ra văn-chương tuyệt diệu ấy có lẽ là thời khắc khoái-lạc nhứt của cụ Thủ-khoa và ông thân tôi. Những tiếng cười ngất lên mỗi khi nghe chỉnh đối hay tìm được một chữ giúp cụ chỉnh đối. Chỉ có đối chọi, chữ với chữ, nghĩa với nghĩa, tiền nhơn mới bấy nhiều thú vị say sưa. Bà-đồ một xóm đã chứng kiến sự nhàn đầy vui vẻ ấy của cụ Thủ-khoa trong buổi xế của đời buồn. Khi thảo xong tuồng *K. T. K. D.* rồi cụ Thủ-khoa mời các bạn thân coi, Cử Trị coi, Cử Trưng coi ngoài ra còn Huấn-Hàn, Đồ Tiếng truyền nhau coi rồi phê, chữa, sửa, bình, tán, luận...

Ở nước ta, « quyền tác-giả » là một tiếng mới, tiền nhơn ta không cần đến quyền ấy vì cho rằng những thơ văn chữ nôm đều là thứ văn-chương hài hí, một việc chơi giải trí lúc an nhàn, một ít chữ-nghĩa để « mua vui cũng được một vài trống canh ». Cho nên văn thơ của các đấng ấy ai sửa khác cũng được, ai bồi bổ cũng không phiền, ai mượn chép cũng cho, ai làm mất cũng chẳng trách. Tôi không rõ vì lẽ ấy mà bản thủ-cảo của ông thân tôi bị thất-lạc đi hay quyển đó cũng như phần nhiều sách vở chữ nho của nhà tôi đã bị mối mọt ăn, nên dần dần hư nát mà bị loại bỏ rất nhiều.

Thưa quí ngài,

Nếu người nước ta có cái bụng thèm-thuồng đi trên hoạn-lộ thời tôi tưởng họ cũng có hai tai ưa thích nghe luận văn-chương. Bởi lẽ ấy, cho nên 100 người ở quanh vùng Bình-thủy Bà-đồ ngày xưa kiếm đỏ con mắt mới ra chừng 10 người không thuộc bài văn cụ Thủ-khoa tế vợ hay nhiều đoạn trong tuồng *K. T. K. D.*.

Đến nay, cụ Thủ-khoa đã khuất có trên bảy chục năm rồi, thế mà ông Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn, Hội-trưởng của Hội chúng tôi, vẫn còn tìm được một anh hát bộ thuộc tuồng *K.T.K.D.*

Điều ấy chứng tỏ rằng dân nước ta biết nghe văn lắm mà thuộc nhớ văn-chương cũng nhiều. Và những đoạn tôi trích ra sau nầy là những đoạn mà thuở trước nhiều người ưa thích.

Tuồng hát của ta ngày xưa viết phỏng theo người Tàu; văn-chương của ta ngày xưa cũng bị hán văn chi phối quá mạnh cho nên các tuồng hát của danh sĩ ta viết có nhiều đoạn thuần hán văn (nhứt là những đoạn có hát khách, tầu mã, bắc bạch,...) có đoạn thuần việt văn (khi hát nam, nói lối), có đoạn viết lộn với hán văn (khi có hát đậm...). Tuồng *K.T.K.D.* không ra ngoài lệ ấy cho nên có đoạn nầy thuần hán văn :

Tiêu-hóa-Long bạch viết :

Thần cung nhứt bả, quãy phỏ tan,
Thiên hạ anh-hùng mạc cảm đang ;
Sử ngã cầm phàm, kinh ngạc - tiềm tông bắc-hải ;
Huy ngô bửu kiếm, tì hưu viễn lích nam san

Hựu viết :

Đại Lư-san, hùng cứ nhất phiên
Ngã, trại chúa Hóa-long.... thị dã !

Loại Việt văn lộn Hán văn như :

Đất đã xanh thế hiểm,
Sông lại vắng người đi.

Đà công :

Phú đà công tu khả thận tri
Quá thữ địa tối vi sầm lịch !

Loại thuần Việt văn như :

đoạn tả cảnh trăng trong, gió mát:

Trời xanh nguyệt rạng,
Gió mát sóng trang.
Trăng thanh màu nước rơi vàng.
Sao tỏ da trời nhận ngọc.

đoạn tả cảnh trên sông, bằng lối thơ lục bát :

Chèo quế giòng La phơi-phới
Mặc lòng ai chác lợi mua danh,
Bầy âu theo khóm mây xanh
Thấp cao mặt nước, linh-đinh giữa giòng
Lần theo khúc thẳng, khúc vòng,
Vang thành, tiếng trống đùng-đùng dinh quân.

Hay là câu :

Giòng quyên phẳng lặng như tờ
Tiếng ca vang núi, bóng cờ chói sông.

Cái khéo và hay trong thơ văn của tiền nhơn là « cú trung đối » mà cụ Thủ-khoa thì tuyệt thế điêu luyện về cách đối trong câu hay liền câu. Như đoạn văn tả cảnh ở trên là một.

Đem chữ « vàng » ở câu « Trăng thanh màu nước rơi vàng » mà cho chọi với chữ « ngọc » trong câu « sao tỏ da trời nhận ngọc » thì là tuyệt cú rồi khỏi cần bình gì nữa. Trong tuồng *K.T.K.D.* không phải chỉ có bấy nhiêu thôi. Nhiều chỗ đối còn hay hơn và xuất xắc hơn thế nữa.

Người viết tuồng hát cần thâm đắc cái nghệ-thuật huyền diệu của sự mô tả tâm tình hay tư-cách các vai trong truyện. Tả ông thầy thuốc cho ra ông thầy thuốc. Tả ông thầy địa-lý cho ra ông thầy địa-lý và phải y-sĩ hay địa-lý từ cái cử-chỉ cho đến cái ngôn-ngữ. Cụ Thủ-khoa, về môn ấy, vẫn có biệt tài. Xem như ngôn-ngữ của Thạc-đạo-Toàn là một ông lang trong tuồng. Thạch-đạo-Toan viết :

Thủ vui sanh địa, *nghiệp dõi* huỳnh kỳ,
Đất tư môn, *từ thuơ* đương quy,
Dòng Thạch thị nghề y quan-chúng.

Như tả :

An tức thanh nang vận dụng,
Thung-dung *ơn tao tuyên thanh,*
Phương thang to-nạp *bịnh tình,*
Hạch ly quyết minh sanh tử.

Đến khi có quan huyện mời coi bịnh, Thạch đạo-Toàn nói :

Đây qua đó vốn là thục-địa,
Vưng lịnh đòi nguyện bắt lưu hành.

Rồi đến khi bị bắt oan về tội dùng thuốc sai thì

Đạo-Toàn hụ u viết :

Ta làm thuốc đâu có căn, có cược đó
Dễ mô người ta không biết.

Như việc ni là :

Bởi vì ai khiếm thiệt, *xui cho mỗ* kiến sầu.
Á thôi, nễ đẳng thả vọng ưu, tại gia nhi phòng kỷ,
Như ta, lành dữ phải tới sân quân tử,
Phải chăng đà có cửa oai *linh,*
Nỗi sự nầy muốn tỏ huyền *minh,*
Theo công chúng trông chừng cú mạch.

vẫn viết :

Quân chúng trông chừng cú mạch,
Việc ở mình dám trách nhơn ngôn ;
Mấy trùng tịch dậm thiên môn,
Mira đàm từ thảo, *nắng ung* lộ qui.
Sự tình ai kẻ dự tri
Trông cho tức tụng, tiện bề hồi hương.

Những tiếng *cú mạch, nhơn ngôn, thiên môn, từ thảo* đều tên các vị thuốc bắc mà dùng ở đây lại có một nghĩa khác, như « tiện bề *hồi hương* » là tiện bề về làng, về chỗ ở của mình. *Hồi hương* là một vị hoắc-loạn, ẩu thổ đầy hơi...

Đọc qua tuồng *K.T.K.D.*, ta mới rõ cụ Thủ-khoa thật là người học rộng chẳng những môn y dược lẫu thông, mà tướng số cũng thành tay cự-phách. Xem như lời thầy. Thiết chỉ coi tướng cho Vô-Đà :

Xinh a ! Kham hạ, đại thọ qui tướng
Chơn vi nhứt phẩm phu nhơn
Song mi liệc võng tinh thần, lưỡng giác loan thành nhựt nguyệt ;
Thinh như hạc yết, nhân tợ phụng tinh,
Trình phục tánh tình, u nhân thể diện.

Thua Viên-ngoại, có một điều :

Hèm sơn căn thiêu đoạn, dữ khẩu giác khiếm khoan.
Bởi xứa cho nên sơ đầu vị miễn gian-nan.
Chớ trung vận tài nhiên vinh qui :
Phu chủ công hầu chỉ vị, tử tôn thế tập chi vinh..
Ấy đó, bổn mạt di phân minh, hào vĩ chơn bất sai

Lại coi tướng Tố-châu :

Lưỡng quyền cao sát tất [illegible] hình [illegible]
Sơn căn đoạn lưu, nan c[illegible] nữ [illegible]

(Xem tiếp trang [illegible])

ĐỀ TRA CÁC BÀI TRONG NAM PHONG

(*Tiếp theo trang 11*)

3·) *Sự du-lịch đất Hải-Ninh.* — Diễn thuyết ở hội Khai-trí.
N. P. số 71-1932-trang 383-394

4·) *Sự-tích Khổng phu-tử.* — Diễn-thuyết ở hội Trí-Tri.
N. P. số 39-1920-trang 224-254

II. — Mục-lục loại

Đây là cái mục-lục hữu-ích nhất, vì không cần biết tên tác-giả, hoặc dịch-giả, không cần biết tựa bài, ta cũng có thể tìm ra những bài thuộc về loại mà ta cần dùng. Hơn nữa là tất cả những bài về một loại đều gom chung lại một chỗ.

Một vài ví-dụ cho dễ hiểu:

1·) Bạn đang khảo cứu về âm-nhạc, bạn muốn biết những bài trong Nam Phong về môn ấy; bạn cứ tra chữ Âm, bạn sẽ thấy:

Đỗ-Nam. — Ta phải nên cải-cách *âm-nhạc* thế nào?
N. P. số { 192-1934-trang 6-11
194-1934-trang 240-246 }

Đông-Châu (dịch). — Tồn cổ tục. — *VIII.* — *Âm-nhạc.*
N. P. số 30-1919-trang 518-523 v.v...

2·) Bạn tìm hiểu về một nhân-vật lịch-sử, chẳng hạn như Đức-cha Bá-đạ-lộc, thì bạn hãy tra chữ Bá:

Bật (*Vương-gia*). — Mộ ông *Bá-đa-lộc* hiện nay ở đâu?
N. P. số 92-1925-trang 157-160

Cảnh (*Hoàng-tử*). — Bài văn của ông Hoàng-tử Cảnh tế ông *Bá-đa-lộc.* — N. P. số 3-1917-trang 179-180. v... v...

3·) Bạn muốn biết rõ về truyện Kiều, bạn đã xem qua các sách nói về Kiều, mời bạn xem luôn những bài khảo-cứu về Kiều đã đăng trong Nam Phong. Bạn tra: hoặc chữ Kim (Kim Vân Kiều), hoặc chữ Kiều, tất thấy: *An-Khê và Khái-Sinh* (sao lục). — Hai bài văn cổ về truyện Kiều:

I. — Bài biểu Thúy-Kiều.

II. — Bài phú Thúy-Kiều.
N. P. số 82-1924-trang 303-308

Đỗ-Nam. — Nghiên-cứu và phán-đoán về truyện Kiều.
N. P. số { 125-1928-trang 41-50
126-1928-trang 130-159 }
v... v...

Tóm lại, bất cứ một vấn-đề gì: Phụ-nữ, Khổng-giáo, Luân-lý, Chánh-trị, Lịch-sử, Phong-tục, Ca-dao v. v... hay một nhân-vật nào: Khuất-Nguyên, Lê-văn-Duyệt, Tuy-lúy Vương v...v... một đất đai nào: Vĩnh-yên, Nam-kỳ, Tàu, Nhựt v.v... mà bạn muốn tra cứu, bạn hãy lật ngay chữ đầu của vấn-đề hay của tên người và xứ đó.

***

Nhờ sức tán-trợ của ủy-ban Phan-thanh-Giản của hội Nam-kỳ Trí-Đức Thể-Dục, chúng tôi mới làm xong hai bổn mục-lục trên đây. Đến việc in ra, Ủy-ban cũng có trù-định, nhưng hiện nay vì giấy mực khan, nhơn-công đắt, nên đành xếp lại, chờ ở một ngày mai tốt đẹp hơn. Vả lại bổn mục-lục này chỉ dành riêng cho những bạn còn giữ được tạp chí Nam Phong; bởi thế sẽ tùy theo số dự-ước mua mà ấn-hành.

Trong khi chờ có một bản in, chúng tôi sẵn lòng nhận làm « cái mục-lục sống » cho những bạn cần biết các bài đăng trong tạp-chí Nam Phong.

KHUÔNG-VIỆT

1) N. P. số 1 ngày 1er juillet 1917
2) N.P. số 210, ngày 16 décembre 1934

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng:

Dầu hỏa Việt Nam hiệu Thiên Thần

do cha Chúc chánh xứ Tựu-Liệt Văn-điền (à-đông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bấc không rắn lại, ngọn đèn không lụt đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine** là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giây nói số 494

Gia thế họ Đinh ở Hàm-giang

(Tiếp theo trang 15)

thấy vậy sợ hãi, hoặc trốn, hoặc hàng mất quá nửa. Kịp khi đại quân kéo đến Thất-tuyền, bắt sống ngay được tướng nhà Mạc là quận Bảo, quận Võ trên Lãng-khâu và đồ đảng bẩy trăm người.

Mạc Kính-Vũ chạy vào Lãng-bàn, tụ-tập quân sĩ, giữ hiểm không ra. Đinh-văn-Tả thân đốc các tướng bốn mặt đánh thành cả vỡ, chém được hai vạn ba trăm đầu giặc, bắt sống được vừa đàn ông vừa đàn bà vài nghìn người, khí giới trâu ngựa của báu, lương-thực nhiều không kể xiết.

Nguyễn-Thanh chạy thoát, thu thập tàn quân, chống đánh ở miền Hải-giang, bị ông phá tan, lại phải bỏ Cao-bằng, chạy sang Long châu. Từ đấy đất Cao-bằng yên hẳn.

Tin thắng trận báo về kinh-sư, vua mừng, bảo chúa Trịnh rằng: « Lấy lại những chỗ đất các đời trước chưa lấy lại được, nếu không phải tướng anh hùng sao được đến như thế! Vậy nên gia ban lễ hậu để đền công đầu ». Ông được tấn phong Thái-tể và được sinh-phong làm trung đẳng Đại-vương, mở quân dinh « Trung kính » (dinh cũng là phủ. Quan chế nhà Lê: phong vương mới được mở dinh) ban cho ấn có giải.

Khoảng niên-hiệu Chính-hòa (1680-1704) Mạc-kính-Hoằng (con giai Kính-Vũ) mưu phạm biên giới, bên Tàu đưa thư hội tiễu Vua sai ông cùng Nguyễn-hữu-Đăng lĩnh quân tuần tiễu họ Mạc mới dứt.

Kể từ vua Lê Trang-Tôn trung hưng đến vua Kính-Tông, tuy không còn ở Đông-đô mà họ Mạc vẫn còn giữ 4 châu, đến nay mới bị giệt hẳn, thiên-hạ mới nhất thống vậy.

Nhà vua thấy Đinh-văn-Tả phụng-thị đã lâu, lại nhiều công lớn, trong lúc triều-yết thường thêm phần kính nể, cho ngôi ngồi ở liền sau với Trịnh-vương, chỉ gọi là lão tướng mà không gọi tên. Lại gia thêm chức thượng-tể thượng-trật, sinh-phong thượng đẳng Đại-vương, ban cho ruộng 300 mẫu (ở tổng ông 170 mẫu, ở Cổ-bi (Kinh-bắc) 130 mẫu) làm thế nghiệp, sắc lập sinh-từ ở quê-quán là làng Hàm-giang và các xã Hàm-thượng, Bình-lao, Bình-lâu trong tổng Hàm-giang làm hộ-nhị-dân để tuế thời hưởng-tế.

(Còn nữa)

TIÊN-ĐÀM

---

(1) Theo Trịnh gia chính phả của Nhật Nham Trịnh như Tấn trang 31: « Trịnh-Tuyền từ khi vào trấn-thủ đất Nghệ-an hậu đãi tướng sĩ, yêu mến quân dân, lòng người đều qui-phục. Gặp lúc Trịnh Tráng mất, thủ hạ khuyên Trịnh Tuyền nổi lam phản, nên chúng tiêu xu-phủ với dinh Tả-quốc (Trịnh Căn). Lại có kẻ phao ngôn là Trịnh Tuyền có chí làm phản. Trịnh Tuyền mới sai người đưa roi ngựa khí-giới của bộ ngũ mình đến dâng nộp ở cửa quân. Trịnh Căn bảo rằng: « Sự-thế đã như vậy, phải nên đến cửa khuyết, chờ lệnh vua xem sao? »

« Trịnh Tuyền về kinh Trịnh Tạc phó cho đình thần tra xét được tình-trạng (vì có kẻ ghen ghét làm chứng buộc vào tội trang). Trịnh Tạc nghĩ tình Trịnh Tuyền là người chí thân không nỡ xử-tử đặt ân cho khóa bạc bắt giam trong ngục.

« Năm Bính-tý (1669), Trịnh Tuyền mất rồi, trong họ có người khiếu oan, nên Trịnh Tuyền được khai phục chức cũ mà con cháu được ăn lương tôn-tuất và tùy tài bổ dụng. »

Kim thạch kỳ duyên

(Tiếp theo trang 19)

Yêu như bài liễu, bàn tiện vô nghi;
Mục tựa tà huy, xú thinh nan miễn.

Như cô ni:

Bắc tác thanh lâu chi tiện
Tất bạn khất cái chi phu.
Thử nữ sắc bạc khí phù.
Nan miễn Tam-cữu chi số...

Nói tóm lại:

1·) — Văn chương tuồng K.T.K.D. là một lối văn chỉ có những người thông chữ hán đọc mới thấy trọn vẹ hay của nó.

2·) — Tuồng hát ấy cũng như hồ hết các áng văn xưa chứng tỏ sức mạnh chi-phối của chữ Tàu trong sản-phẩm văn-chương nước ta thời trước.

3·) — Cũng như các áng văn cổ tuồng *K.T.K.D.* là cái di tích của tinh thần thống-khoái trọng khi giỡn chữ (*Jeu de mots*) của người mình. Chính những khi chơi đổi tiếng này với tiếng kia, khi dĩ giả đổi chơn, khi giỡn chữ ấy, tiền nhơn ta đã làm giàu cho Việt-ngữ bởi những tiếng mượn, những thành-ngữ, quán thoại xuất xứ từ ngũ-kinh, tứ-thơ và nhiều sử truyện, Điều ấy có thể giúp ích cho ta khảo về từ-ngữ nước nhà.

Vậy, trước khi cáo từ quí ngài, tôi xin thành thật cảm ơn quí ngài đã có lòng vì đại nghĩa đến chứng giám cuộc nói chuyện hôm nay làm tăng thêm vẻ long-trọng trong dịp làm lễ truy-niệm cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa, tác giả tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên*. Nếu trong bài nầy của tôi có thất điều chi, xin cầu quí ngài tha học ra ơn minh biện.

(HẾT)

NGUYỄN ĐẠI LÂNG

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 23

NGUYỄN HUY TƯỞNG

NÓI xong, phu nhân sụt-sùi khóc. Mại khuyên giải phu nhân lại hỏi :

— Thưa bác, chú Kim đi từ hôm nào ?

— Tối hôm mồng mười tháng chín.

— Chính hôm cưới quận - chúa, phải không bác ?

Phu-nhân nghĩ ngợi một lúc rồi đáp :

— Có nhẽ phải, à phải đấy. Hay là...

— Thưa bác, có nhẽ nhân hôm tốt trời thì đi chơi ngoạn cảnh, mải vui quên về đấy thôi, chắc không có điều chi quản ngại. Thưa bác, bọn Trần - Thành có nhà không ? Bác hỏi chưa ?

— Chúng đi, chưa người nào về.

Nguyễn - Mại giữ vẻ thản nhiên :

— Thưa bác, bác không lấy vợ cho chú ấy, hai nhăm, hai sáu tuổi rồi. Cũng vì thế mà chơi vui quên cả đường về. Hôm nào chú ấy về thì bác đánh cho một trận, rồi liệu tìm đám nào mà cưới vợ cho chú nó. Bác đã già rồi, cũng phải có người giúp-đỡ việc nhà chứ.

— Bác có không nghĩ đến việc ấy đâu ! Chỉ vì nó ương gàn, tiếng rằng ngần ấy tuổi đầu, mà dại dột, có đâu được như cháu. Bác đã tìm cho bao nhiêu đám mà nó không ưng đám nào. Nó, thì nó muốn cả trời, cháu ạ.

— Thưa bác, cháu lạ gì chú Kim. Chú ấy không khó tính đâu, bác ạ. Chắc chỉ vì chưa đứng số đấy thôi.

— Cứ như ý cháu, cháu đoán nó vì đâu ?

— Bác không lo, cả bọn đi, chưa ai về, thì tức là họ còn mải mê ở đâu đấy thôi cháu xin đi tìm chú nó về cho bác.

— Nay cháu đã có địa - vị. Chúa-thượng lại nể, còn em thì lêu - lổng chơi-bời, bác thấy thẹn cho em !

— Thưa bác, cháu chỉ là một đứa vũ-phu. Chú Kim học rộng tài cao, thế nào cũng làm nên nghiệp nhớn, rạng vẻ tổ tông. Chẳng mấy lúc đã Thị-lang, Tham-tụng.

Nguyễn Mại nói chuyện qua - loa với phu-nhân, liệu nhời an ủi, rồi đứng dậy cáo lui. Chàng lên ngựa ra roi về nhà, ruột nóng như lửa đốt. Chàng lấy làm lo cho các bạn, vì mười phần, chàng đã đoán ra bảy, tám công - chuyện. Chàng đã biết mối tình tha-thiết của Bảo-Kim đối với quận chúa : chắc sau một phút điên rồ, Bao-Kim đã định làm một thủ-đoạn gì để cướp lại người yêu. Và một khi Bảo-Kim đã định thì các bạn chàng rất không từ nguy-hiểm, lăn vào giúp sức. Nguyễn-Mại đã rõ cái tình bằng-hữu nồng-nàn của họ : « Long-thành thất kiệt » mối tình khăng-khích như keo, và cao-trọng như núi. chàng tự trách :

— « Tội ta không nhỏ, lại, kinh bốn năm hôm mới đến thăm bạn. Bảo-Kim làm sao thì ta mang hận suốt đời ! »

Chàng lại có ý trách Bảo - Kim hấp tấp, không đợi chàng, đã vội đem cái sức văn-nhược ra để mưu một công việc khó khăn mua lấy sự thất bại !

Thấy chàng về, có vẻ tư-lự và hấp-tấp, vợ chàng hỏi :

— Thầy nó có việc chi mà lo nghĩ thế ?

Chàng đáp :

— Tôi có việc này vội, phải đi ngay, Chú Kim có lẽ nguy.

— Chú Kim làm sao ?

— Mình không cần biết. Tôi phải đi ngay may ra mới kịp cứu chú ấy.

Chàng suy tính một lúc, rồi gọi hai tên linh tâm phúc nhất là Phạm-Kính, Đặng-Phan vào bảo :

— Hai anh vốn có tài võ nghệ, lại có đảm lược ta muốn nhờ một việc...

Phạm-Kính thưa :

— Bẩm quan lớn truyền gì ?

— Tối nay ta muốn vào phủ Đặng-Lân thám xét tình - hình trong phủ ấy ; hai anh tính sao ?

— Bẩm quan lớn, chúng con không sợ gì, nhưng thiết tưởng đấy là nơi nghiêm cấm, từ xưa đến nay chưa ai dám vào...

— Vậy thì chúng ta vào. Hai anh nên dắt cả đồ ám-khí, tối hôm nay ta khởi hành. Nên nhớ : thành Phú-xuân ta còn coi rẻ, huống chi là cái phủ con của thằng Đặng-Lân

Hai tên nói :

— Chúng con xin theo quan lớn.

Tối hôm ấy, trời mưa tầm-tã, ba cái bóng đem từ nhà Hộ - thành lặng lẽ tiến vào phủ Đặng Lân. Sau khi vượt hào, họ cùng trèo tường nhảy vào trong vườn : Tường tuy cao và có cắm đầy những mảnh thủy-tinh, nhưng Nguyễn - Mại có thuật riêng nên họ trèo một cách dễ-dàng. Vốn có đôi mắt tinh suốt, và đã quen bóng tối, chàng đi trước dẫn đường cho hai tên linh.

Chợt họ cùng núp cả sau một gốc cây. Có người đuổi nhau và tiếng con trai con gái. Tiếng con gái :

— Em xin bác, em lậy bác, tha cho em.

Tiếng con trai :

— Chẳng bác với cháu, chẳng lạy với van gì ! Bằng lòng hay không bằng lòng thì nói...

Người con trai như đã đuổi kịp, vì có tiếng nói ;

— Im ngay không tao đâm chết. Vào đây !

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

PHỔ-THÔNG CHUYÊN-SAN

Kể từ 1er Juillet, Phổ-Thông Bán-Nguyệt-San ra thêm một loại mới, mỗi tháng một Chuyên San văn học, sử học, hay triết học. Mục đích là gây dựng một kho tài liệu thiết yếu cho tủ sách người học thức.

Chương - trình biên-tập

NHỮNG CHUYÊN-SAN PHỔ-THÔNG VĂN-HỌC

Đem những văn nghiệp cũ ra chú giải, phiên dịch, phê bình biên tập tiểu truyện của tác giải nếu có thể lại soạn cả niên phổ của tác giả. Ngoài những văn nghiệp của nước nhà, lại mở rộng đến cả văn nghiệp Tàu nữa. Những văn nghiệp của ta như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tôn, Trạng Trình, Lê Qui Đôn, Chiêu Hổ, Lý Phức, Đoàn Thị Điểm, Thanh quan v. v. và ở Tàu như : Tào Thực, Đào Tiềm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hàn Xương Lê, Tô Đông Pha, Lương Khải Siêu, Hồ Thích v. v.

Nghiên cứu khảo luận về các vấn đề văn học phê bình những sách đáng chú ý của người đương thời.

NHỮNG CHUYÊN-SAN PHỔ-THÔNG SỬ HỌC

Dịch những bộ sử của ta cùng những sách phụ thuộc vào sử. Đại khái như : Đại Việt sử ký, Việt sử cương mục, Lịch triều hiến chương, Lê triều dã sử, Lê quí kỷ sử, Cố Lê tiết nghĩa lục, Đại Nam liệt truyện, Hoàng Lê ngọc Phổ, Trình gia thế phổ, Gia định thông chí, Thoái thực kỷ văn, Bắc hành lược ký, Phủ biên lục, Kiến văn tiểu học vân vân...

Viết những lịch-sử ký sự, danh-nhân truyện-ký, hoặc soạn những tập sử từng triều-đại một — Cũng có thể đăng những thiên du ký, trong đó kể việc qua thăm các danh thắng cổ tích cố giúp ích cho sử học.

NHỮNG CHUYÊN-SAN PHỔ-THÔNG TRIẾT HỌC

Nghiên cứu, giới thiệu, phê bình, các ngành triết học cả đông và tây, khảo cứu về nguồn gốc và lịch sử của các tôn giáo trong thế giới.

Chương trình biên tập, trên đây sẽ có thể thay đổi thêm bớt cho tới khi hoàn toàn. Chúng tôi rất mong các bậc tri thức cao minh trong nước chỉ giáo cho.

Chương trình làm việc dự định là như thế, nhưng phạm vi nguyệt san của chúng tôi có bạn mà tài lực của chúng tôi cũng có bạn, cho nên mỗi tháng chúng tôi chỉ có thể đem hiến bạn đọc yêu quí một tập chuyên-san mà thôi.

Số trang không nhất định mà giá bán cũng không nhất định.

Các ngài có thể tin cậy ở sự cố gắng của chúng tôi, về phương diện biên tập, ấn loát, cũng như về việc định giá, chúng tôi chỉ ước ao làm vừa lòng các Ngài về giá-trị chuyên-san cũng như về giá bán phải chăng vậy.

P. T. B. N. S.

Xin chú ý — *P. T. B. N. S* lớp cũ (*tiểu thuyết*) *vẫn ra, nhưng mỗi tháng chỉ in một tập, đẹp hơn trước, tiểu thuyết chọn lọc rất kỹ, toàn là những tác phẩm hay, có giá trị chắc chắn.*

Những chuyên san dự ước xuất bản trong 1943

Juillet : **LỤC VÂN TIÊN DẪN GIẢI**
của Đinh Xuân-Hội (200 trang 1$50)

Août : **TRẦN THỦ ĐỘ**
Danh nhân truyện ký của Trúc-Khê (0$80)

Sept. : **TRƯƠNG VĨNH KÝ**
Khảo cứu của Lê-Thanh (0$80)

Oct. : **KHỔNG GIÁO LẤY GÌ LÀM CỐT TỦY ?** *Khảo cứu* của Mai Đăng-Đệ

Nov. : **QUỐC SỬ DIỄN CA DẪN GIẢI**
của Nguyễn Đỗ-Mục

Déc. : **BA LOẠI VĂN**
Biên khảo của Vũ Ngọc-Phan

NHỮNG SÁCH CỦA THƯ-XÃ
ALEXANDRE DE RHODES

Đã XUẤT BẢN

1. — KI I-VÂN-K ỀU, tome I (hết)
2. — THƠ NGỤ NGÔN LA FONTAINE (hết)
3. — LƯỢC KHẢO VIỆT-NGỮ
của **Lê-văn-Nựu** *Giá 0$50*
4. — **LE PAYSAN TONKINOIS**
à travers le parler populaire
của PHẠM-QUỲNH
80 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH — Bìa 2 màu.
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại La 5$00
5.— **TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI**
của NGUYỄN-VĂN-VĨNH, sưu tập
khổ lớn 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 2 màu.
Bản thường 0$50 — Bản giấy Đại La 5$00

SẮP XUẤT BẢN

6.— **Kim Vân Kiều tome II** (trọn bộ)
bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
460 trang khổ 17×23
có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUYNH
Bản thường 2$50 — Bản giấy Vergé bouffant *7$00*
Tổng phát-hành : **Mai-Lĩnh**
21 Rue des Pipes — Hanoi.

Đã có bán

NHÂN LOẠI tiến hóa sử
của NGUYỄN BÁCH KHOA
Giá 1$80

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI
của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH
Giá 1$80

ÓC KHOA HỌC
của R. N. KHUÊ
Giá : 2$20

Sắp có bán

ĐỜI SỐNG THÁI CỔ
của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH — Giá 2$20
Mua một cuốn gửi tiền về trước thêm 0$40 cước.

HÀN THUYÊN
71 Tiên Tsin — Hanoi

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỐN
MỘT DAN-TỪ,
MỘT TẠN-NGỮ,
MỘT MÔN HỌC THUẬT
Các bạn cần phải đọc tập tài liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TỪ-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi : tập SỬ HỌC
của cụ Lại Bộ PHẠM QUỲNH

ĐÃ CÓ BÁN :

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

Những thanh-ngữ và từ-ngữ của ta trong các thơ văn cổ kim đều định nghĩa rõ ràng, dẫn chứng cẩn thận rất tiện tra cứu *trong khi đọc sách và nhất cho các học sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC
Sách khổ rộng 16 × 25 . . Giá... 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi – HANOI
51, Doumer – HAIPHONG
Mua buôn xin viết thư thương-lượng.

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán
Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi